

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**NGUYỄN HOÀNG NHÂN**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT  
THU, CHI TẠI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CỦA  
KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN**

**HÀ NỘI - 2016**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT  
THU, CHI TẠI CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP CỦA  
KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số : 60340301

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS NGHIÊM VĂN LỢI**

HÀ NỘI - 2016

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của bản thân tôi, các kết quả nghiên cứu trong luận văn là xác thực và chưa từng được công bố trong kỳ bất công trình nào khác trước đó.

Tôi xin cam đoan mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

*Hòa Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2016*

Tác giả

**Nguyễn Hoàng Nhân**

## LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn này, em đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ quý báu tận tình của các thầy cô của đồng nghiệp và các bạn. Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc em xin được bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới:

Ban Giám hiệu và các thầy cô của Khoa Kế toán, Khoa Sau đại học Trường Đại học Lao động & Xã hội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ chúng em trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Đặc biệt xin chân thành cảm ơn Thầy giáo PGS. TS Nghiêm Văn Lợi, người thầy kính mến đã hết lòng giúp đỡ, dạy bảo, động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn các thầy, các cô trong hội đồng chấm luận văn đã cho em những đóng góp quý báu để hoàn chỉnh luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn tới cán bộ, công chức KBNN Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, Ban lãnh đạo KBNN Cao Phong đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu để hoàn thành luận văn này.

Cảm ơn các bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã cổ vũ động viên tôi trong suốt quá trình học, làm việc và hoàn thành luận văn.

*Hòa Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2016*

Tác giả

**Nguyễn Hoàng Nhân**

## MỤC LỤC

<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	<b>i</b>
<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	<b>ii</b>
<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>iii</b>
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	<b>iv</b>
<b>DANH MỤC BẢNG</b> .....	<b>v</b>
<b>DANH MỤC HÌNH</b> .....	<b>vi</b>
<b>CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1.1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2. Mục tiêu nghiên cứu .....	2
1.2.1. Mục tiêu chung .....	2
1.2.2. Mục tiêu cụ thể .....	2
1.3. Câu hỏi nghiên cứu.....	3
1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
1.4.1. Đối tượng nghiên cứu .....	3
1.4.2. Phạm vi nghiên cứu .....	3
1.5. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....	4
<b>CHƯƠNG II. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC</b> .....	<b>7</b>
2.1. Ngân sách Nhà nước và Kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho Bạc .....	7
2.1.1. Ngân sách Nhà nước và Chi ngân sách Nhà nước.....	7
2.1.2. Kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc.....	11
2.2. Hệ thống kế toán Kho bạc Nhà nước phục vụ công tác kiểm soát chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc.....	16
2.2.1. Quy định chung .....	16
2.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN .....	20
2.2.3. Chứng từ kế toán .....	23
2.2.4. Hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán .....	32
2.2.5. Sổ kế toán.....	34
2.2.6. Báo cáo tài chính. ....	35
2.2.7. Báo cáo kế toán quản trị .....	36
<b>CHƯƠNG III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT CHI NSNN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC CAO PHONG</b> <b>38</b>	
3.1. Tổng quan về Kho bạc Nhà nước Cao Phong - Hòa Bình .....	38

3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Kho bạc Cao Phong, tỉnh Hòa Bình .....	38
3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Kho bạc Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.....	39
3.1.3. Đánh giá chung.....	42
3.2. Tổng quan về chương trình TABMIS .....	44
3.2.1. Sự hình thành và cần thiết hình thành TABMIS .....	44
3.2.2. Tổng quan về TABMIS .....	45
3.3. Kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong .....	47
3.3.1. Dự toán Ngân sách Nhà nước .....	47
3.3.2. Thực hiện dự toán.....	50
3.4. Thực trạng công tác kế toán phục vụ kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong.....	55
3.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong.....	55
3.4.2. Thực trạng công tác kế toán tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong.....	56
3.4.3. Đánh giá thực trạng công tác kế toán tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong .....	60
<b>CHƯƠNG IV. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC CAO PHONG</b>	<b>70</b>
4.1. Yêu cầu và các yếu tố ảnh hưởng đến hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong.....	70
4.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong .....	71
4.2.1. Hoàn thiện lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán .....	71
4.2.2. Hoàn thiện hệ thống chứng từ.....	71
4.2.3. Hoàn thiện hệ thống tài khoản .....	73
4.2.4. Hoàn thiện hệ thống báo cáo.....	75
4.2.5. Hoàn thiện công tác tự kiểm tra kế toán.....	76
4.2.6. Hoàn thiện phần mềm, ứng dụng TABMIS .....	76
4.3. Kết luận.....	78
4.4. Kiến nghị.....	80
4.4.1. Kiến nghị với Bộ Tài chính.....	80
4.4.2. Kiến nghị với Kho bạc Nhà nước .....	81
4.4.3. Kiến nghị với Kho bạc nhà nước tỉnh Hòa Bình .....	82

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

CCVC	Công chức viên chức
CBCC	Cán bộ công chức
CNH	Công nghiệp hoá
CNTT	Công nghệ thông tin
CMKT	Chuẩn mực kế toán
DTNT	Dân tộc nội trú
HĐND	Hội đồng nhân dân
HCSN	Hành chính sự nghiệp
KBNN	Kho bạc nhà nước
KTXH	Kinh tế xã hội
NSDP	Ngân sách địa phương
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NSTW	Ngân sách trung ương
PTTH	Phổ thông trung học
TABMIS	Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc
TCS	Hệ thống thu thuế trực tiếp
THCS	Trung học cơ sở
UBND	Ủy ban nhân dân
XDCB	Xây dựng cơ bản
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 3.1: Quy trình chính của TABMIS .....	46
Bảng 3.2. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2013 - 2015 .....	50
Bảng 3.3. Tình hình chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Cao Phong năm 2013 - 2015.....	52
Bảng 3.4. Kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư giai đoạn 2013 - 2015.....	55
Bảng 3.5. Thống kê lỗi sử dụng chứng từ năm 2013 - 2015 .....	64



## DANH MỤC HÌNH

Hình 2.1. Quy trình giao dịch một cửa của KBNN .....	16
Hình 3.1. Cơ cấu tổ chức Kho bạc Nhà nước Cao Phong .....	42
Hình 3.2. Quy trình chi thường xuyên tại Kho bạc Cao Phong.....	51
Hình 3.3. Quy trình quản lý thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc Cao Phong, 54 tỉnh Hòa Bình.....	54

## CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

### 1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngân sách Nhà nước (NSNN) đóng vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với sự phát triển kinh tế nước ta mà còn đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Việc quản lý và sử dụng sao cho có hiệu quả NSNN là trách nhiệm của Chính phủ, các tổ chức, và các đơn vị sử dụng ngân sách. Luật NSNN quy định mọi khoản chi NSNN đều phải được kiểm tra, kiểm soát trong quá trình chi trả, thanh toán, đảm bảo các khoản chi phải có trong dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định. Hiện đại hóa công tác quản lý NSNN được Đảng và Chính phủ quan tâm, là cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, tạo tiền đề phát triển nền kinh tế bền vững, hội nhập cùng các nước trong khu vực cũng như các nước trên toàn thế giới.

Kể từ tháng 8 năm 2012, Kho bạc Nhà nước Hòa Bình đã chính thức tham gia vào hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo chương trình hiện đại hóa Kho bạc Nhà nước của Bộ Tài chính. TABMIS với mục tiêu cụ thể trong phạm vi dự án này là: Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc tích hợp với hiệu quả trong toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước. Kết nối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ sử dụng ngân sách, cơ quan tài chính các cấp. Trong tương lai, TABMIS sẽ được kết nối đến các đơn vị sử dụng ngân sách, tạo điều kiện phát huy hết hiệu quả của một hệ thống quản lý tích hợp với các quy trình ngân sách khép kín, tự động, thông tin quản lý tập trung, cung cấp báo cáo đầy đủ, toàn diện, kịp thời và minh bạch. Kiến trúc TABMIS dựa trên khuôn mẫu quản lý tài chính và ngân sách đã được kiểm chứng thực tế và tuân thủ theo các chuẩn mực Kế toán quốc tế.

Trong quá trình triển khai thực hiện TABMIS phát sinh một số tồn tại, vướng mắc liên quan đến công tác kế toán nói chung và công toán kế toán nói riêng tại KBNN Cao Phong - Hòa Bình. Công tác kế toán trong điều kiện sử dụng TABMIS có những đặc điểm khác so với thời kỳ trước đây, một số vấn đề đặt ra khi sử dụng TABMIS, làm thế nào để khắc phục các bất cập do TABMIS gây ra nhằm giúp làm tốt hơn công tác kế toán... Chính vì vậy, tác giả đã chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát thu, chi tại các đơn vị Hành chính sự nghiệp của Kho bạc Nhà nước huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình”** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ.

## **1.2. Mục tiêu nghiên cứu**

### **1.2.1. Mục tiêu chung**

Đánh giá thực trạng công tác kế toán trong điều kiện TABMIS, việc quản lý ngân sách và kiểm soát chi ngân sách Nhà nước đối với các đơn vị Hành chính sự nghiệp qua Kho bạc Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, từ đó đề xuất hệ thống các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát thu, chi nguồn NSNN hiệu quả, minh bạch.

### **1.2.2. Mục tiêu cụ thể**

Góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý ngân sách Nhà nước qua Kho bạc trong điều kiện TABMIB; kế toán Kho bạc Nhà nước.

Đánh giá thực trạng công tác kế toán kiểm soát chi ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong, tỉnh Hòa Bình trong điều kiện áp dụng TABMIB;

Đề xuất hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán kiểm soát chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc trong điều kiện TABMIB tại địa bàn nghiên cứu trong thời gian tới.

### **1.3. Câu hỏi nghiên cứu**

Trên cơ sở mục tiêu của đề tài, tôi đặt ra một số câu hỏi nghiên cứu như sau:

- 1) Cơ sở lý luận về quản lý chi NSNN qua KBNN?
- 2) Công tác kế toán KBNN trong kiểm soát chi NSNN?
- 3) Đánh giá thực trạng công tác kế toán trong kiểm soát chi NSNN qua KBNN Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.
- 4) Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát thu, chi tại KBNN Cao Phong trong thời gian tới.

### **1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***1.4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến NSNN và công tác kế toán của KBNN Cao Phong phục vụ cho kiểm soát thu, chi đối với các đơn vị Hành chính sự nghiệp trên địa bàn trong điều kiện sử dụng TABMIS.

#### ***1.4.2. Phạm vi nghiên cứu***

\* Phạm vi về nội dung: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu về hoàn thiện tổ chức công tác kế toán trong điều kiện TABMIS phục vụ công tác kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc.

\* Phạm vi không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

\* Phạm vi về thời gian: Sử dụng số liệu chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Cao Phong, tỉnh Hòa Bình trong giai đoạn 2013 – 2015, kết quả việc thực hiện triển khai TAMIS trong giai đoạn 2010 - 2015 và đề ra giải

pháp hoàn thiện công tác kế toán kiểm soát chi NSNN trên địa bàn những năm tiếp theo.

### **1.5. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

“Hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát thu, chi tại các đơn vị Hành chính sự nghiệp của Kho bạc Nhà nước huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình” là đề tài mang tính thực tiễn cao, phù hợp với yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính và định hướng phát triển ngành Kho bạc. Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, hệ thống Kho bạc Nhà nước Việt Nam luôn có những chính sách đổi mới và hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, chức năng nhiệm vụ và các chính sách chế độ của Nhà nước, để đáp ứng với sự phát triển toàn diện của đất nước. Đã có những nghiên cứu, bài báo viết về Kho bạc Nhà nước với nhiều góc độ khác nhau, có thể nêu một số nghiên cứu với các nội dung cơ bản sau:

Trong bài viết của Thạc sĩ Ngô Hải Trường “Đề TABMIS trở thành nguồn cung cấp thông tin đầu vào chính của tổng kế toán Nhà nước” đăng trên Tạp chí quản lý Ngân quỹ Quốc gia số 121 tháng 7/2012 có thể thấy rõ những kết quả đạt được khi triển khai TABMIS và đưa ra một số giải pháp để TABMIS trở thành nguồn cung cấp thông tin đầu vào chính của tổng kế toán Nhà nước trong thời gian tới. Tuy nhiên hạn chế của bài viết là tác giả mới chỉ đưa ra các giải pháp về hệ thống báo cáo, an toàn bảo mật thông tin mà chưa đưa ra các giải pháp về quy trình xử lý nghiệp vụ kế toán.

Bài viết của Thạc sĩ Phan Quảng Thống “Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cân đối ngân sách nhà nước 2013” đăng trên Tạp chí Ngân quỹ Quốc gia số 129 tháng 3/2013 đã nêu lên tình hình thu – chi NSNN năm 2012. Qua đó đưa ra một số giải pháp về cân đối ngân sách nhà nước năm 2013. Tuy nhiên

hạn chế của bài viết là tác giả chưa đi sâu phân tích nguyên nhân thiếu hụt thu NSNN của ngân sách địa phương năm 2012.

Bài viết của tác giả Phạm Thị Thanh Hương “Kiểm soát, phòng ngừa rủi ro trên chương trình TABMIS” đăng trên Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia số 131 tháng 5/2013 nêu lên tầm quan trọng của hệ thống tài khoản trên TABMIS. Từ đó xác định việc quản lý và sử dụng tài khoản trên TABMIS. Tuy nhiên hạn chế của bài viết là tác giả đã đưa ra các biện pháp chưa tối ưu, kết quả mang lại không cao.

Thạc sĩ Phạm Bình với bài viết “Triển khai thực hiện cam kết chi qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện vận hành TABMIS” đăng trên Tạp chí Quản lý Ngân quỹ Quốc gia số 138 tháng 12/2013 đã nhận định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước là một khâu quan trọng trong chu trình quản lý chi ngân sách nhà nước. góp phần từng bước thực hiện cải cách tài chính công theo hướng công khai, minh bạch và phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, trên nền tảng vận hành TABMIS. Tuy nhiên hạn chế của bài viết là tác giả chưa phân tích một số khó khăn trong việc hướng dẫn với các đơn vị giao dịch thực hiện cam kết chi mà chỉ tập trung vào những khó khăn trong việc xử lý nghiệp vụ. Và còn một số luận văn đề cập đến công tác kế toán trong điều kiện thực hiện TABMIS như:

Tác giả Nguyễn Văn Hóa với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán tại Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng trong điều kiện sử dụng phần mềm TABMIS” (Năm 2012). Với đề tài này tác giả đã đi sâu nghiên cứu về hệ thống TABMIS, các phân hệ chính, các quy trình trên TABMIS. Đồng thời tác giả cũng đã nghiên cứu về kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS tại KBNN Đà Nẵng, đã đưa ra các bằng chứng về số liệu thu, chi NSNN để nội dung phân tích được rõ hơn. Nhưng tác giả chưa nghiên cứu sâu vào nghiệp vụ kế toán

liên quan đến ngân sách nhà nước để thấy rõ những khó khăn vướng mắc khi thực hiện TABMIS.

Tóm lại các luận văn này đều là những công trình khoa học có giá trị cao trên địa bàn được nghiên cứu. Nhìn chung các đề tài đã hệ thống hóa được những lý thuyết về NSNN và các hoạt động nghiệp vụ của KBNN. Với cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau, phạm vi nghiên cứu khác nhau, bằng việc kết hợp các phương pháp quan sát, thu thập dữ liệu, phương pháp tổng hợp, phương pháp so sánh đối chiếu... Các tác giả đã đi sâu nghiên cứu về hệ thống TABMIS, sự cần thiết phải hình thành TABMIS, các nghiệp vụ hạch toán kế toán theo chế độ quy định áp dụng cho TABMIS, nghiên cứu chuyên sâu các nghiệp vụ liên quan đến ngân sách nhà nước và Kho bạc. Đồng thời các tác giả đã nêu lên những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện công tác kế toán trong điều kiện thực hiện TABMIS, đề xuất một số giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn trong công tác kế toán NSNN và hiện nay một số hạn chế đã được hoàn thiện trên TABMIS nhưng quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại. Tuy nhiên tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong chưa có công trình nào nghiên cứu về công tác kế toán ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong. Qua công tác thực tế tại đơn vị, tác giả nhận thấy công tác kế toán ngân sách nhà nước còn một số nội dung cần phải hoàn thiện. Vì vậy vấn đề được nghiên cứu trong luận văn là phải hoàn thiện công tác kế toán ngân sách nhà nước, phục vụ cho công tác kiểm soát thu, chi ngân sách nhà nước tại KBNN Cao Phong trong điều kiện TABMIS.

## **CHƯƠNG II. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

### **2.1. Ngân sách Nhà nước và Kiểm soát chi Ngân sách Nhà nước qua Kho Bạc**

#### **2.1.1. Ngân sách Nhà nước và Chi ngân sách Nhà nước**

##### **\* Ngân sách Nhà nước**

Ngân sách Nhà nước (NSNN) là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. (Quốc hội, 2015)

##### **\* Chi ngân sách Nhà nước**

Chi ngân sách nhà nước là việc phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo thực hiện chức năng của nhà nước theo những nguyên tắc nhất định.

Chi ngân sách nhà nước là quá trình phân phối lại các nguồn tài chính đã được tập trung vào ngân sách nhà nước và đưa chúng đến mục đích sử dụng. Do đó, Chi ngân sách nhà nước là những việc cụ thể không chỉ dừng lại trên các định hướng mà phải phân bổ cho từng mục tiêu, từng hoạt động và từng công việc thuộc chức năng của nhà nước.

##### **\* Thu ngân sách Nhà nước**

Để có kinh phí chi cho mọi hoạt động của mình, nhà nước đã đặt ra các khoản thu (các khoản thuế khóa) do mọi công dân đóng góp để hình thành



nên quỹ tiền tệ của mình. Thực chất, thu ngân sách nhà nước là việc nhà nước dùng quyền lực của mình để tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia hình thành quỹ ngân sách nhà nước nhằm thỏa mãn các nhu cầu của nhà nước.

**\* Đặc điểm của NSNN**

Hoạt động thu chi của ngân sách nhà nước luôn gắn chặt với quyền lực kinh tế - chính trị của nhà nước, và việc thực hiện các chức năng của nhà nước, được nhà nước tiến hành trên cơ sở những luật lệ nhất định;

Hoạt động ngân sách nhà nước là hoạt động phân phối lại các nguồn tài chính, nó thể hiện ở hai lãnh vực thu và chi của nhà nước;

Ngân sách nhà nước luôn gắn chặt với sở hữu nhà nước, luôn chứa đựng những lợi ích chung, lợi ích công cộng;

Ngân sách nhà nước cũng có những đặc điểm như các quỹ tiền tệ khác. Nét khác biệt của ngân sách nhà nước với tư cách là một quỹ tiền tệ tập trung của nhà nước, nó được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng, sau đó mới được chi dùng cho những mục đích đã định;

Hoạt động thu chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp là chủ yếu.

**\* Vai trò của NSNN**

NSNN có vai trò đảm bảo tài chính trong toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và đối ngoại của đất nước.

NSNN là công cụ thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng và bền vững.

NSNN là công cụ để điều tiết thị trường, bình ổn giá cả và kiềm chế lạm phát.

Ngân sách là công cụ hữu hiệu của Nhà nước để điều chỉnh trong lĩnh vực thu nhập, thực hiện công bằng xã hội.

Ngân sách nhà nước được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, có phân công, phân cấp quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm. Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước, phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

\* Phân loại các khoản chi ngân sách Nhà nước

Tùy thuộc vào vai trò của Nhà nước trong quản lý chính trị, kinh tế, xã hội ở mỗi thời kỳ lịch sử mà chi NSNN có những nội dung và cơ cấu khác nhau. Do tính chất đa dạng và phong phú của các khoản chi nên việc phân loại nội dung chi NSNN để giúp cho công tác quản lý cũng như định hướng chi NSNN là rất cần thiết. Phân loại các khoản chi NSNN là việc sắp xếp các khoản chi NSNN theo những tiêu thức, tiêu chí nhất định vào các nhóm, các loại chi. Cụ thể như: theo luật ngân sách nhà nước.

- Theo mục đích KT-XH của các khoản chi: chi NSNN được chia thành chi tiêu dùng và chi đầu tư phát triển.

- Theo tính chất các khoản chi: chi NSNN được chia thành chi cho y tế; chi giáo dục; chi phúc lợi; chi quản lý Nhà nước; chi đầu tư kinh tế.

- Theo chức năng của Nhà nước: chi NSNN được chia thành chi nghiệp vụ và chi phát triển.

- Theo tính chất pháp lý: chi NSNN được chia thành các khoản chi theo luật định; các khoản chi đã được cam kết; các khoản chi có thể điều chỉnh.

- Theo yếu tố các khoản chi: chi NSNN được chia thành chi đầu tư; chi thường xuyên và chi khác, bao gồm:

Chi đầu tư phát triển, bao gồm: chi về đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội không có khả năng thu hồi vốn; đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước, góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước theo quy định của pháp luật; chi bổ sung dự trữ Nhà nước; chi đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án Nhà nước; các khoản chi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật.

Chi thường xuyên NSNN bao gồm: chi các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hoá thông tin và văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp xã hội khác; các hoạt động sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giao thông, nông, lâm ngư nghiệp; các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; hoạt động của cơ quan Nhà nước; hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

Chi khác của NSNN bao gồm: chi trả nợ gốc và lãi các khoản vay do Chính phủ vay; chi viện trợ của NSTW cho các Chính phủ và tổ chức nước ngoài; chi cho vay của NSTW; chi trả gốc và lãi các khoản huy động để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định của Luật NSNN.

**\* Phân cấp quản lý ngân sách**

Nội dung cơ bản của phân cấp quản lý NSNN: Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước là việc xác định phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách trong việc quản lý ngân sách nhà nước phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.

Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước là tổng hợp các qui phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình phân định trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực ngân sách nhà nước và các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện việc phân giao nguồn thu và chi của ngân sách các cấp.

Các phương thức phân cấp quản lý NSNN, phân cấp nhiệm vụ chi:

Nhiệm vụ chi NSTU như: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do Trung ương quản lý, chi các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế...

Nhiệm vụ chi ngân sách địa phương (NSDP) như: Thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư đối với cơ sở hạ tầng do địa phương quản lý, chi thường xuyên cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng...

Về phương thức cấp phát ngân sách:

- Phương thức cấp phát theo lệnh chi tiền
- Phương thức cấp phát theo dự toán

\* Quyết toán ngân sách nhà nước:

Quyết toán ngân sách nhà nước là việc tổng kết, đánh giá việc thực hiện ngân sách và chính sách tài chính ngân sách của quốc gia cũng như xem xét trách nhiệm pháp lý của các cơ quan nhà nước khi sử dụng nguồn lực tài chính quốc gia để thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước trong một thời gian nhất định, được cơ quan cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn.

## **2.1.2. Kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc**

### **2.1.2.1. Khái niệm**

Kho bạc Nhà nước là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức

năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về quỹ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước và các quỹ khác của Nhà nước được giao quản lý; quản lý ngân quỹ; tổng kế toán nhà nước; thực hiện việc huy động vốn cho ngân sách nhà nước và cho đầu tư phát triển thông qua hình thức phát hành trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật.

Kiểm soát chi ngân sách là tổng thể các hoạt động của cá nhân và tổ chức có trách nhiệm nhằm bảo đảm cho các khoản chi ngân sách thực hiện đúng quy định, đúng mục đích, đúng đối tượng và tiết kiệm. Luật NSNN hiện hành quy định khi có nhu cầu chi, Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách gửi chứng từ thanh toán (đồng thời là lệnh chuẩn chi) tới KBNN cùng với hồ sơ thanh toán, KBNN kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi ngân sách khi có đủ các điều kiện quy định của Luật theo phương thức thanh toán trực tiếp.

#### *2.1.2.2. Nguyên tắc kiểm soát chi, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN*

Tất cả các khoản chi ngân sách Nhà nước phải được kiểm tra, kiểm soát trong quá trình chi trả, thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách Nhà nước được giao, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền quy định và đã được thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách hoặc người được uỷ quyền quyết định chi.

Mọi khoản chi ngân sách Nhà nước được hạch toán bằng đồng Việt Nam theo niên độ ngân sách, cấp ngân sách và mục lục ngân sách Nhà nước. Các khoản chi ngân sách bằng ngoại tệ, hiện vật, ngày công lao động được quy đổi và hạch toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ, giá hiện vật, ngày công lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Việc thanh toán các khoản chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước cho người

hưởng lương, trợ cấp xã hội và người cung cấp hàng hoá dịch vụ: trường hợp chưa thực hiện được việc thanh toán trực tiếp, Kho bạc Nhà nước thực hiện thanh toán qua đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước.

Trong quá trình quản lý, thanh toán, quyết toán chi ngân sách Nhà nước các khoản chi sai phải thu hồi giảm chi hoặc nộp ngân sách. Căn cứ vào quyết định của cơ quan tài chính hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Kho bạc Nhà nước thực hiện việc thu hồi cho ngân sách Nhà nước theo đúng trình tự quy định. (Thông tư 161/2012/TT-BTC và Thông tư 39/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung)

#### *2.1.2.3. Nội dung và quy trình kiểm soát một số khoản chi chủ yếu của ngân sách nhà nước*

1. Kiểm soát các khoản chi thường xuyên; chi chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình khác gắn với nhiệm vụ quản lý của các Bộ, ngành, địa phương đã được cơ quan chủ quản giao trong dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát hồ sơ của đơn vị theo các nội dung sau:

a) Kiểm soát, đối chiếu các khoản chi so với dự toán ngân sách nhà nước, bảo đảm các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao, số dư tài khoản dự toán của đơn vị còn đủ để chi.

b) Kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ, chứng từ theo quy định đối với từng khoản chi.

c) Kiểm tra, kiểm soát các khoản chi, bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Đối với các khoản chi chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân

sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao để kiểm soát.

2. Kiểm soát các khoản kinh phí ủy quyền:

Việc kiểm soát, thanh toán các khoản kinh phí ủy quyền thực hiện theo quy định tại khoản 12 mục IV Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/06/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

3. Kiểm soát, thanh toán các khoản trả nợ vay của ngân sách nhà nước:

a) Trả nợ nước ngoài:

+ Trên cơ sở dự toán chi trả nợ và yêu cầu thanh toán, cơ quan tài chính lập lệnh chi tiền chuyển đến Kho bạc Nhà nước để thanh toán chi trả. Căn cứ lệnh chi tiền của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục xuất quỹ ngân sách để thanh toán trả nợ nước ngoài.

b) Trả nợ trong nước:

Đối với các khoản chi trả nợ trong nước được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

4. Kiểm soát, thanh toán các khoản chi cho hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo quy định, đảm bảo các khoản chi phải có trong dự toán, số dư tài khoản dự toán còn đủ để chi, kiểm tra kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của các hồ sơ, chứng từ theo quy định đối với từng khoản chi.

#### 5. Kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngoại tệ:

Đối với các khoản chi ngoại tệ được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

#### 6. Chi bằng hiện vật và ngày công lao động:

Đối với các khoản chi ngân sách bằng hiện vật và ngày công lao động, căn cứ lệnh ghi thu, lệnh ghi chi ngân sách nhà nước của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước.

7. Sau khi kiểm soát hồ sơ, chứng từ chi của đơn vị, Kho bạc Nhà nước thực hiện:

a) Trường hợp đảm bảo đầy đủ các điều kiện chi theo qui định, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán cho đơn vị sử dụng ngân sách.

b) Trường hợp chưa đủ điều kiện thanh toán, nhưng thuộc đối tượng được tạm ứng, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục tạm ứng cho đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định.

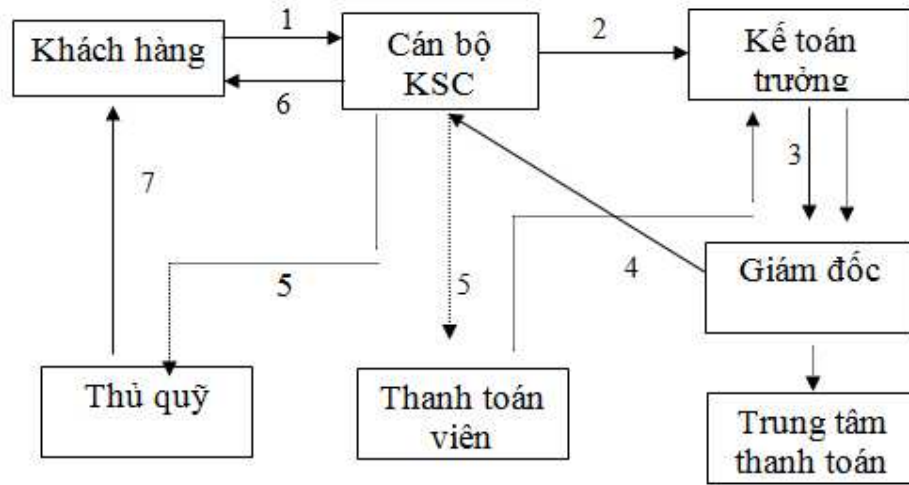
c) Trường hợp không đủ điều kiện chi, Kho bạc Nhà nước từ chối thanh toán theo quy định, mẫu biểu từ chối thanh toán gửi đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư 161/2012/TT-BTC.

Quản lý NSNN là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng NSNN; trong đó hệ thống KBNN giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Luật NSNN đã quy định mọi khoản chi của NSNN chỉ được thực hiện khi có đủ điều kiện quy định, đồng thời theo nguyên tắc thanh toán trực tiếp cho đơn vị sử dụng ngân sách và các tổ chức được NSNN hỗ trợ thường xuyên phải mở tài khoản tại KBNN, chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính và KBNN trong quá trình thanh toán và sử dụng kinh phí.

Như vậy, KBNN chính là “trạm canh gác và kiểm soát cuối cùng” được



Nhà nước giao nhiệm vụ kiểm soát trước khi đồng vốn của Nhà nước ra khỏi quỹ NSNN.



**Hình 2.1. Quy trình giao dịch một cửa của KBNN**

(Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra, 2015)

## 2.2. Hệ thống kế toán Kho bạc Nhà nước phục vụ công tác kiểm soát chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc

### 2.2.1. Quy định chung

\* *Khái niệm kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN*

Kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc là công việc thu thập, xử lý, kiểm tra, giám sát, phân tích và cung cấp thông tin về: Tình hình phân bổ dự toán kinh phí NSNN; Tình hình thu, chi Ngân sách nhà nước; Tình hình vay và trả nợ vay của NSNN; Các loại tài sản của nhà nước do KBNN đang quản lý và các hoạt động nghiệp vụ KBNN. Việc thu thập và xử lý thông tin của kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS phải đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực, liên tục và có hệ thống.

*\* Đối tượng của kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN*

- Tiền và các khoản tương đương tiền;
- Quỹ NSNN và các quỹ tài chính nhà nước khác;
- Các khoản thanh toán trong và ngoài hệ thống KBNN;
- Tiền gửi các đơn vị tổ chức, cá nhân tại KBNN;
- Kết dư NSNN các cấp;
- Các khoản tín dụng nhà nước;
- Các khoản đầu tư tài chính nhà nước;
- Các tài sản nhà nước được quản lý tại KBNN.

*\* Nhiệm vụ của kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN*

- Thu thập, xử lý tình hình thu, chi NSNN các cấp, các loại tài sản do KBNN quản lý và các hoạt động nghiệp vụ KBNN, bao gồm:
  - + Các khoản thu, chi NSNN các cấp;
  - + Dự toán kinh phí ngân sách của các đơn vị sử dụng NSNN;
  - + Các khoản vay, trả nợ vay trong nước và nước ngoài của nhà nước và của các đối tượng khác theo qui định của pháp luật;
  - + Các quỹ tài chính, nguồn vốn có mục đích;
  - + Tiền gửi của các tổ chức, cá nhân hoặc đứng tên cá nhân (nếu có);
  - + Các loại vốn bằng tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng;
  - + Các khoản tạm ứng, cho vay, thu hồi vốn vay và vốn khác của KBNN;
  - + Các tài sản quốc gia, kim khí quý, đá quý và các tài sản khác thuộc trách nhiệm quản lý của KBNN;

- + Các hoạt động giao dịch, thanh toán trong và ngoài hệ thống KBNN;
- + Các hoạt động nghiệp vụ khác.

- Kiểm soát việc chấp hành chế độ quản lý tài chính, chế độ thanh toán và các chế độ, qui định khác của nhà nước liên quan đến thu, chi NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của KBNN.

- Chấp hành chế độ báo cáo kế toán theo quy định; Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các số liệu, thông tin kế toán cần thiết, theo quy chế trao đổi dữ liệu và cung cấp thông tin giữa các đơn vị trong ngành Tài chính và với các đơn vị liên quan theo quy định; Phục vụ việc quản lý, điều hành, quyết toán NSNN và điều hành các hoạt động nghiệp vụ của hệ thống KBNN.

*\* Phương pháp ghi chép kế toán*

Phương pháp ghi chép kế toán áp dụng cho TABMIS là phương pháp “ghi sổ kép”. Phương pháp “ghi sổ đơn” được áp dụng trong từng trường hợp theo quy định cụ thể.

*\* Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS gồm: Kỳ kế toán tháng, kỳ kế toán năm và kỳ chỉnh lý.

- Kỳ kế toán tháng là khoảng thời gian được tính từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng (dương lịch).

- Kỳ kế toán năm (niên độ kế toán) là khoảng thời gian được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 (dương lịch).

- Kỳ chỉnh lý là khoảng thời gian để hạch toán và điều chỉnh các khoản thu chi thuộc ngân sách năm trước theo quy định sau khi đã kết thúc ngày

31/12. Các bút toán hạch toán thu, chi thuộc ngân sách năm trước trên kỳ chính lý có ngày hiệu lực là ngày 31/12 năm trước.

Kỳ kế toán được áp dụng để khóa sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo quy định trong Thông tư này. Tổng Giám đốc KBNN quy định quy chế mở, đóng kỳ kế toán trên TABMIS và hướng dẫn việc khóa sổ và lập báo cáo theo các kỳ khác phục vụ yêu cầu quản lý cụ thể.

*\* Tài liệu kế toán*

Tài liệu kế toán gồm: Các thông tin trên giấy và thông điệp dữ liệu điện tử thể hiện theo các hình thức chứng từ kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động nghiệp vụ KBNN, báo cáo nhanh, báo cáo quyết toán, báo cáo kiểm toán, báo cáo kiểm tra kế toán và các tài liệu khác có liên quan đến kế toán. Tài liệu kế toán phải được bảo quản chu đáo, an toàn tại đơn vị KBNN và đơn vị khác tham gia TABMIS trong quá trình sử dụng và lưu trữ.

Sau khi quyết toán NSNN được Quốc hội phê chuẩn, tài liệu kế toán phải được hoàn thành việc sắp xếp, phân loại và đưa vào lưu trữ.

Tài liệu kế toán đã lưu trữ chỉ được đưa ra sử dụng khi được sự đồng ý của Thủ trưởng, Kế toán trưởng đơn vị KBNN và các đơn vị khác tham gia TABMIS. Nghiêm cấm mọi trường hợp cung cấp tài liệu kế toán ra bên ngoài đơn vị hoặc mang tài liệu kế toán ra khỏi đơn vị kế toán nhà nước khi chưa được phép bằng văn bản của Thủ trưởng, Kế toán trưởng đơn vị KBNN và đơn vị khác tham gia TABMIS.

### ***2.2.2. Tổ chức bộ máy kế toán và tổ chức công tác kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN***

#### ***\* Tổ chức bộ máy kế toán***

Tổ chức bộ máy kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS bao gồm bộ máy kế toán trong hệ thống KBNN được đặt tại các đơn vị KBNN và bộ phận nghiệp vụ làm công việc kế toán đặt tại các cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp 1, 2 và các đơn vị khác có tham gia vào hệ thống TABMIS. Các đơn vị phải tổ chức bộ máy kế toán, bộ phận kế toán phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và hướng dẫn của Tổng Giám đốc KBNN.

Hoạt động của bộ máy kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS tại KBNN được tổ chức theo nguyên tắc tập trung, thống nhất dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc KBNN. Mỗi đơn vị KBNN là một đơn vị kế toán độc lập, chịu trách nhiệm thực hiện kế toán Ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc tại đơn vị mình; đơn vị kế toán KBNN cấp dưới chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của đơn vị kế toán KBNN cấp trên.

Ngoài các đơn vị kế toán trong hệ thống KBNN, các cơ quan tài chính, đơn vị dự toán cấp 1, 2 và các đơn vị khác có liên quan phải tổ chức bộ phận nghiệp vụ thực hiện nhập lệnh chi tiền hoặc phân bổ ngân sách được phân quyền theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình trên TABMIS, hoặc trên hệ thống phần mềm có giao diện với TABMIS. Trong phạm vi tham gia của mình, các đơn vị kế toán phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về kế toán và các văn bản hướng dẫn kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS của Bộ Tài chính.

Bộ máy kế toán trung tâm và bộ phận kế toán phụ thuộc:

- Bộ máy kế toán trung tâm là bộ phận, phòng kế toán thuộc KBNN các cấp.

- Đơn vị KBNN có thể tổ chức bộ phận kế toán phụ thuộc bao gồm các điểm giao dịch (thường xuyên, không thường xuyên) trong trụ sở hoặc ngoài trụ sở KBNN.

- Công tác kế toán tại bộ phận kế toán phụ thuộc phải thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức công tác kế toán áp dụng cho đơn vị kế toán phụ thuộc. Cuối ngày làm việc, bộ phận kế toán phụ thuộc phải đối chiếu và kiểm tra số liệu đã phát sinh trong ngày, chuyển toàn bộ chứng từ và tài liệu kế toán về bộ phận kế toán trung tâm để tổ chức hạch toán.

*\* Tổ chức công tác kế toán:*

1. Công tác kế toán tại các đơn vị thuộc hệ thống KBNN

a) Nội dung công tác kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS ở một đơn vị KBNN bao gồm các phần hành nghiệp vụ: Kế toán dự toán chi NSNN; Kế toán cam kết chi NSNN; Kế toán thu NSNN; Kế toán chi NSNN; Kế toán vay nợ, viện trợ; Kế toán thanh toán; Kế toán các nghiệp vụ trên sổ Cái; Kế toán ngoài bảng; Kế toán các phần hành nghiệp vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của KBNN.

b) Các công việc kế toán của mỗi phần hành kế toán tại cơ quan KBNN bao gồm:

- Lập, tiếp nhận, kiểm soát, xử lý các chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán; tổng hợp số liệu kế toán hàng ngày, tháng, quý, năm;

- Kiểm tra số liệu kế toán, lập và gửi các loại điện báo, báo cáo hoạt động nghiệp vụ, báo cáo nhanh và báo cáo tài chính định kỳ;

- Tổng hợp số liệu kế toán tại bộ số hợp nhất theo quy trình của hệ thống.

- Phân tích, lưu giữ số liệu kế toán, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán.

c) Tổng Giám đốc KBNN quy định quy trình nghiệp vụ Kế toán nhà nước, áp dụng cho một số phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống KBNN.

## 2. Công việc kế toán tại cơ quan tài chính

a) Nội dung công việc kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS tại một cơ quan tài chính bao gồm:

- Nhập, phê duyệt dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định và hệ thống theo quy định của Thông tư số 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm.

- Kiểm soát chi và cập nhật chứng từ chi ngân sách bằng lệnh chi tiền ;

- Khai thác cơ sở dữ liệu theo quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Bộ Tài chính quy định quy chế phân công trách nhiệm nhập dự toán và lệnh chi tiền thuộc ngân sách trung ương, áp dụng cho các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và các đơn vị khác theo quy trình TABMIS. Giám đốc Sở Tài chính, căn cứ hướng dẫn mẫu của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định quy chế phân công trách nhiệm nhập dự toán và lệnh chi tiền thuộc ngân sách tỉnh, huyện, xã.

*\* Kế toán trưởng*

- Người đứng đầu bộ máy kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS tại đơn vị KBNN các cấp phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của Kế toán trưởng theo quy định tại Điều 53 Luật Kế toán và các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính, được xem xét bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật về kế toán. Kế toán trưởng đơn vị KBNN các cấp có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Điều 52, Điều 54 của Luật Kế toán, theo các quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính và của Tổng Giám đốc KBNN.

- Kế toán trưởng có trách nhiệm giúp Giám đốc đơn vị KBNN giám sát tài chính tại đơn vị; chịu trách nhiệm trước Giám đốc đơn vị KBNN và Kế toán trưởng đơn vị KBNN cấp trên về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn được giao; Kế toán trưởng đơn vị cấp dưới chịu sự chỉ đạo và kiểm tra về mặt chuyên môn, nghiệp vụ của Kế toán trưởng đơn vị cấp trên.

- Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chuyển chuyển Kế toán trưởng các đơn vị KBNN thực hiện theo các quy định của pháp luật và của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tổ chức bộ máy và phân cấp quản lý cán bộ KBNN, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Kho bạc đơn vị Nhà nước trực tiếp quản lý và Kế toán trưởng đơn vị KBNN cấp trên.

**2.2.3. Chứng từ kế toán**

*\* Chứng từ kế toán và yêu cầu chứng từ kế toán*

Chứng từ kế toán là những giấy tờ và vật mang tin, phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Chứng từ kế toán phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây:



- Tên và số hiệu của chứng từ kế toán;
- Ngày, tháng, năm lập và xử lý chứng từ kế toán;
- Các mã hiệu quản lý NSNN và mã hiệu nghiệp vụ KBNN;
- Tên, địa chỉ, mã hiệu (nếu có) của đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán;
- Tên, địa chỉ, mã hiệu (nếu có) của đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán;
- Nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- Các chỉ tiêu về số lượng, đơn giá và số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính ghi bằng số; tổng số tiền của chứng từ kế toán dùng để thu, chi tiền ghi bằng số và bằng chữ;
- Chữ ký, họ và tên của người lập, người duyệt và những người có liên quan đến chứng từ kế toán; dấu của các đơn vị có liên quan theo qui định đối với từng loại chứng từ.
- Ngoài những nội dung chủ yếu quy định trên đây, chứng từ kế toán có thể bổ sung thêm những nội dung khác theo quy định của Tổng Giám đốc KBNN.

*\* Chứng từ điện tử và chữ ký điện tử*

- KBNN được sử dụng chứng từ điện tử (gồm có: chứng từ điện tử do ngân hàng chuyển đến, chứng từ điện tử của KBNN) để thực hiện thanh toán và hạch toán kế toán theo các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và của Tổng Giám đốc KBNN.

- Chứng từ điện tử được dùng làm chứng từ kế toán khi có đủ các nội dung quy định cho chứng từ kế toán và đã được mã hóa đảm bảo an toàn dữ liệu điện tử trong quá trình xử lý, truyền tin và lưu trữ. Chứng từ điện tử được chứa trong các vật mang tin (băng từ, đĩa từ, các thiết bị lưu trữ điện tử, các loại thẻ thanh toán) được bảo quản, quản lý như tài liệu kế toán ở dạng nguyên bản và phải có đủ thiết bị để sử dụng khi cần thiết.

- Chữ ký điện tử là khóa bảo mật được xác định riêng cho từng cá nhân để chứng thực nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người lập và những người liên quan chịu trách nhiệm về tính an toàn và chính xác của chứng từ điện tử; chữ ký điện tử trên chứng từ điện tử có giá trị như chữ ký tay trên chứng từ giấy; các cá nhân được cấp chữ ký điện tử có trách nhiệm bảo đảm bí mật các thông tin về chữ ký điện tử của mình, chịu trách nhiệm về việc làm lộ chữ ký điện tử của mình.

- Tổng Giám đốc KBNN hướng dẫn cụ thể việc lập, mã hóa, luân chuyển, lưu trữ chứng từ điện tử và khai thác dữ liệu điện tử trong hệ thống KBNN; quy định chế độ trách nhiệm của từng cá nhân trong việc sử dụng và bảo quản chứng từ điện tử, chữ ký điện tử theo đúng các quy định của Chính phủ và của Bộ Tài chính.

*\* Lập chứng từ kế toán*

- Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN đều phải lập chứng từ kế toán; chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

- Chứng từ kế toán phải lập theo đúng mẫu in sẵn qui định cho từng loại nghiệp vụ; các đơn vị, cá nhân được phép lập chứng từ kế toán bằng máy

vi tính nếu được sự chấp thuận của KBNN nơi giao dịch và phải đảm bảo theo đúng mẫu qui định;

- Trên chứng từ phải ghi đầy đủ, rõ ràng, chính xác các nội dung theo quy định;

- Chữ viết trên chứng từ phải rõ ràng, thể hiện đầy đủ, đúng nội dung phản ánh, không được tẩy xoá; khi viết phải dùng loại mực không phai; không viết bằng mực đỏ;

- Về ghi số tiền bằng số và bằng chữ trên chứng từ: Số tiền viết bằng chữ phải khớp đúng với số tiền viết bằng số; chữ cái đầu tiên phải viết hoa, những chữ còn lại không được viết bằng chữ in hoa; phải viết sát đầu dòng, chữ viết và chữ số phải viết liên tục không để cách quãng, ghi hết dòng mới xuống dòng khác, không viết chèn dòng, không viết đè lên chữ in sẵn; chỗ trống phải gạch chéo để không thể sửa chữa, thêm số hoặc thêm chữ. Chứng từ bị tẩy xoá, sửa chữa đều không có giá trị thanh toán và ghi sổ kế toán. Khi viết sai vào mẫu chứng từ in sẵn thì phải hủy bỏ bằng cách gạch chéo chứng từ viết sai;

- Yếu tố ngày, tháng, năm của chứng từ phải viết bằng số. Riêng các tờ séc thì ngày, tháng viết bằng chữ, năm viết bằng số;

- Chứng từ lập theo bộ có nhiều liên phải được lập một lần cho tất cả các liên theo cùng một nội dung bằng máy vi tính, máy chữ hoặc viết lòng bằng giấy than. Trường hợp đặc biệt phải lập nhiều liên nhưng không thể viết một lần tất cả các liên chứng từ thì có thể viết hai lần nhưng phải đảm bảo thống nhất mọi nội dung trên tất cả các liên chứng từ;

- Kế toán viên không được nhận các chứng từ do khách hàng lập không đúng qui định, không hợp pháp, hợp lệ; đồng thời phải hướng dẫn khách hàng lập lại bộ chứng từ khác theo đúng quy định; kế toán không được ghi các yếu tố thuộc trách nhiệm ghi của khách hàng trên chứng từ;

- Việc lập chứng từ điện tử và chuyển từ chứng từ giấy thành chứng từ điện tử được thực hiện theo các quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và của Tổng Giám đốc KBNN.

*\* Quy định về ký chứng từ kế toán*

- Mọi chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh qui định trên chứng từ mới có giá trị thực hiện; riêng chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và của KBNN. Tất cả các chữ ký trên chứng từ kế toán đều phải ký vào từng liên chứng từ bằng loại mực không phai. Tuyệt đối không được ký lờng bằng giấy than, ký bằng mực đỏ, bằng bút chì. Chữ ký trên chứng từ kế toán của một người phải thống nhất và phải giống với chữ ký đã đăng ký theo quy định.

- Tất cả các chứng từ khách hàng lập và chuyển đến KBNN đều phải có chữ ký của Kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền), thủ trưởng đơn vị (hoặc người được ủy quyền) và dấu của đơn vị đó. Trường hợp đặc biệt đối với các đơn vị chưa có chức danh Kế toán trưởng thì phải cử người Phụ trách kế toán để giao dịch với KBNN, chữ ký Kế toán trưởng được thay bằng chữ ký của người Phụ trách kế toán của đơn vị đó. Người Phụ trách kế toán phải thực hiện đúng nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn quy định cho Kế toán trưởng. Trường hợp đơn vị không có con dấu thì giao dịch như đối với cá nhân. Chữ ký của Kế toán trưởng các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang thực hiện theo quy định riêng.

- Chữ ký của khách hàng (tổ chức và cá nhân) và dấu đóng trên chứng từ phải phù hợp với mẫu dấu và chữ ký còn giá trị đã đăng ký tại KBNN. Chữ ký của kế toán viên trên chứng từ phải giống chữ ký đã đăng ký với Kế toán trưởng.

- Kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) không được ký "thừa ủy quyền" Giám đốc KBNN. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

- Các đơn vị KBNN phải mở sổ đăng ký mẫu chữ ký của thủ quỹ, thủ kho, các nhân viên kế toán, Kế toán trưởng (và người được ủy quyền), Giám đốc Kho bạc (và người được ủy quyền), kiểm soát viên (nếu có). Sổ đăng ký mẫu chữ ký phải đánh số trang, đóng dấu giáp lai do Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) quản lý để tiện kiểm tra khi cần thiết; mỗi người phải ký ba chữ ký mẫu trong sổ đăng ký.

- Người có trách nhiệm ký chứng từ kế toán chỉ được ký chứng từ khi đã ghi đầy đủ nội dung thuộc trách nhiệm của mình theo quy định.

- Việc phân cấp ký trên chứng từ kế toán do Tổng Giám đốc KBNN quy định phù hợp với luật pháp, yêu cầu quản lý, đảm bảo kiểm soát chặt chẽ, an toàn tài sản.

*\* Quản lý con dấu và đóng dấu trên chứng từ kế toán*

- Giám đốc các đơn vị KBNN phải có quy định bằng văn bản và mở sổ theo dõi giao việc quản lý con dấu và đóng dấu trên chứng từ kế toán cho nhân viên hành chính (đối với dấu "KHO BẠC NHÀ NƯỚC") hoặc nhân viên kế toán (đối với dấu "KẾ TOÁN"). Khi thay đổi người quản lý con dấu phải lập biên bản bàn giao có sự chứng kiến của lãnh đạo đơn vị.

- Người ký chức danh "Giám đốc" hoặc "Kế toán trưởng" trên chứng từ kế toán không được giữ bất kỳ con dấu nào (trừ trường hợp đặc biệt do Tổng Giám đốc KBNN quy định riêng).

- Người quản lý con dấu có trách nhiệm giữ và bảo quản con dấu an toàn, không để mất mát, hư hỏng, thất lạc hoặc lợi dụng con dấu. Trường hợp bị mất con dấu phải báo cáo ngay cơ quan công an địa phương và KBNN cấp trên kịp thời có biện pháp xử lý, đồng thời lập biên bản xác định trách nhiệm đối với người để mất con dấu.

- Phải kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ kế toán trước khi đóng dấu vào chứng từ. Dấu đóng phải đúng vị trí: rõ nét, không mờ, không nhoè, không làm biến dạng chữ ký trên chứng từ và phải đóng dấu trên từng liên chứng từ.

- Không được đóng dấu lên chứng từ chưa ghi nội dung hoặc nội dung ghi chưa đầy đủ, kể cả trong trường hợp đã có chữ ký.

- Tất cả các đơn vị KBNN được sử dụng dấu "KẾ TOÁN" để thực hiện các nghiệp vụ kế toán, thanh toán trong hệ thống KBNN và giao dịch với khách hàng; Dấu được đóng vào vị trí chữ ký chức danh cao nhất trên chứng từ. Riêng các chứng từ thanh toán qua ngân hàng có chữ ký của Giám đốc KBNN với tư cách chủ tài khoản thì đóng dấu "KHO BẠC NHÀ NƯỚC".

*\* Luân chuyển và kiểm tra chứng từ kế toán*

- Mọi chứng từ kế toán phải được kiểm tra trước khi ghi sổ kế toán: Tất cả các chứng từ kế toán do KBNN lập hay do bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung ở bộ phận kế toán, bộ phận kế toán phải kiểm tra đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ và thực hiện ghi sổ kế toán.

- Trường hợp thực hiện kế toán trên TABMIS hoặc các chương trình phần mềm có giao diện với TABMIS: Bộ phận nghiệp vụ tiếp nhận và xử lý chứng từ chịu trách nhiệm kiểm tra và nhập chứng từ vào hệ thống; Bộ phận kế toán có nhiệm vụ tổng hợp số liệu kế toán từ các bộ phận liên quan theo quy định cụ thể của Tổng Giám đốc KBNN.

- Trình tự xử lý chứng từ kế toán gồm các bước sau:

+ Lập, tiếp nhận, phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán;

+ Kế toán viên, Kế toán trưởng kiểm tra, ký vào chỗ quy định trên chứng từ; Trình lãnh đạo ký (đối với những chứng từ cần có chữ ký của lãnh đạo theo quy định);

+ Định khoản, nhập bút toán vào hệ thống; Phê duyệt bút toán trên hệ thống;

+ Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.- Tổng Giám đốc KBNN quy định cụ thể trình tự xử lý chứng từ điện tử trong hệ thống KBNN.

*\* Lưu trữ chứng từ kế toán*

- Chứng từ kế toán đã thực hiện phải được sắp xếp, phân loại, bảo quản và lưu trữ theo qui định đối với từng loại chứng từ. Cụ thể như đối với chứng từ ngày phải được đóng thành tập theo thứ tự liệt kê các phân hệ của từng kế toán viên, thời hạn lưu trữ đối với tập chứng từ ngày là 15 năm.

- Mọi trường hợp mất chứng từ kế toán đều phải báo cáo với Kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

*\* Trình tự kiểm tra chứng từ kế toán*

- Kiểm tra tính pháp lý của chứng từ và của nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh ghi trên chứng từ kế toán;

- Kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ của các chỉ tiêu, các nội dung ghi trên chứng từ kế toán;

- Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin ghi trên chứng từ kế toán.

*\* Quy định về sử dụng và quản lý biểu mẫu chứng từ kế toán*

- Tất cả các đơn vị giao dịch trong hệ thống KBNN và các đơn vị KBNN đều phải áp dụng thống nhất chế độ chứng từ kế toán. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị không được sửa đổi biểu mẫu chứng từ đã quy định.

- Đối với chứng từ kế toán của đơn vị giao dịch phải chuyển đến KBNN không quá 5 ngày làm việc, kể từ ngày lập được ghi trên chứng từ kế toán. Trường hợp quá thời hạn 5 ngày làm việc, KBNN đề nghị đơn vị lập lại chứng từ phù hợp với thời gian giao dịch với KBNN.

- Riêng đối với Lệnh chi tiền, chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ ngày lập phải nhập vào hệ thống và phải thực hiện đầy đủ các bước công việc để chuyển sang KBNN (trừ ngân sách xã) để thực hiện thanh toán, chi trả.

- Ngoài những chứng từ kế toán quy định trong Thông tư này, các đơn vị KBNN được sử dụng các chứng từ kế toán được ban hành ở các văn bản pháp quy khác liên quan đến thu, chi NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN.

- Mẫu chứng từ in sẵn phải được bảo quản cẩn thận, không được để hư hỏng, mực nát; Séc, trái phiếu và giấy tờ có giá phải được quản lý như tiền.



- Các đơn vị KBNN không được tự động thay đổi nội dung các biểu mẫu chứng từ kế toán trái với quy định.

- Việc phân cấp in, quản lý và phân phối các chứng từ kế toán thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và của Tổng Giám đốc KBNN.

#### **2.2.4. Hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán**

Hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán trong kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS là tổ hợp tài khoản kế toán gồm 12 phân đoạn mã do Bộ Tài chính quy định phục vụ cho việc hạch toán kế toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo yêu cầu quản lý, điều hành NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN.

Tên và số lượng ký tự của từng đoạn mã trong hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán được quy định như sau:

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mã	Mã quỹ	Mã tài khoản kế toán	Mã nội dung kinh tế	Mã cấp Ngân sách	Mã đơn vị có quan hệ với Ngân sách	Mã địa bàn hành chính	Mã chương	Mã ngành kinh tế	Mã CTM, T, DA và hạch toán chi tiết	Mã KBNN	Mã nguồn Ngân sách nhà nước	Mã dự phòng
Số ký tự	2	4	4	1	7	5	3	3	5	4	2	3

*\* Nguyên tắc xây dựng hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán*

Hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán được xây dựng trên nguyên tắc bố trí các phân đoạn mã độc lập, mỗi đoạn mã chứa đựng các thông tin khác nhau theo yêu cầu quản lý. Tổ hợp tài khoản kế toán được quy định cố định về cấu trúc và thống nhất cho toàn hệ thống, gồm bộ sổ Sở giao dịch KBNN, bộ sổ của các tỉnh, thành phố và bộ sổ hợp nhất toàn hệ thống.

Danh mục các giá trị chi tiết cho từng đoạn mã sẽ được bổ sung, sửa đổi tùy theo yêu cầu thực tế. Các giá trị mã số cụ thể của các đoạn mã trong Hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán được cấp 1 lần và duy nhất trong hệ thống (không cấp lại mã hiệu đã sử dụng trong quá khứ) trừ một số trường hợp đặc biệt theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với mỗi mã số, hệ thống sẽ ấn định giá trị duy nhất trong suốt thời gian vận hành hệ thống.

Trong quá trình vận hành TABMIS, Tổng Giám đốc KBNN và thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về các đoạn mã quy định, cấp mới, bổ sung, sửa đổi giá trị của các đoạn mã theo yêu cầu quản lý và quy trình nghiệp vụ TABMIS.

*\* Yêu cầu của hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán*

Hệ thống tổ hợp tài khoản kế toán và việc kết hợp các đoạn mã được xây dựng và thiết kế phù hợp với yêu cầu quản lý NSNN và chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Hệ thống KBNN, phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, tổ chức bộ máy và tổ chức thông tin của hệ thống cơ quan KBNN;

- Phản ánh đầy đủ các hoạt động kinh tế, tài chính liên quan đến thu, chi ngân sách phát sinh ở các đơn vị KBNN và các hoạt động nghiệp vụ KBNN;

- Phù hợp với việc áp dụng các công nghệ quản lý, thanh toán hiện tại và tương lai trong hệ thống KBNN và trong nền kinh tế, phục vụ cho việc tổ chức các quan hệ thanh toán trong và ngoài hệ thống KBNN;

- Thuận lợi cho việc thu thập, xử lý, khai thác và cung cấp thông tin bằng các chương trình, ứng dụng tin học, đảm bảo khả năng giao diện của TABMIS với các hệ thống thông tin khác.

#### **2.2.5. Sổ kế toán**

- Sổ kế toán dưới dạng biểu mẫu theo quy định là một dạng dữ liệu được thiết lập trong TABMIS theo yêu cầu quản lý dùng để phản ánh và lưu giữ toàn bộ và có hệ thống các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh liên quan đến tình hình phân bổ ngân sách, thu, chi ngân sách, trả nợ vay của NSNN và các hoạt động nghiệp vụ KBNN.

- Mẫu sổ kế toán được thiết lập và in từ TABMIS phải được ghi rõ tên đơn vị kế toán; tên sổ; ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khoá sổ; chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; số trang (nếu in ra giấy để lưu trữ).

- Mẫu sổ kế toán được thiết lập và in từ TABMIS phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Ngày, tháng ghi sổ;

+ Số hiệu và ngày, tháng của chứng từ kế toán làm căn cứ ghi sổ;

- + Tóm tắt nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
- + Số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh ghi vào các tài khoản kế toán;
- + Số dư đầu kỳ, số tiền phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ.
- Hệ thống sổ kế toán gồm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

### **2.2.6. Báo cáo tài chính.**

#### *\* Khái niệm Báo cáo tài chính*

- Báo cáo tài chính quy định trong kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS là phương pháp kế toán dùng để tổng hợp, hệ thống hoá và thuyết minh các chỉ tiêu kinh tế tài chính nhà nước, phản ánh tình hình thu, chi, vay nợ của NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN trong một kỳ kế toán hoặc một niên độ ngân sách. Báo cáo tài chính NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN gồm 2 loại: Báo cáo tài chính định kỳ (ngày, tháng, năm) và Báo cáo quyết toán cuối năm.

- Báo cáo tài chính có nhiệm vụ cung cấp những chỉ tiêu kinh tế, tài chính nhà nước cần thiết cho các cơ quan chức năng và chính quyền nhà nước các cấp. Cung cấp những số liệu cần thiết để kiểm tra tình hình thực hiện Ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ kế toán, chấp hành các chế độ, chính sách của Nhà nước và các ngành kinh tế. Báo cáo tài chính còn cung cấp các số liệu chủ yếu làm cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của NSNN các cấp, của từng đơn vị KBNN và của toàn bộ hệ thống NSNN và KBNN giúp cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động NSNN và hoạt động KBNN có hiệu quả.

\* *Yêu cầu đối với báo cáo tài chính NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN:*

- Báo cáo phải được lập theo đúng mẫu biểu quy định hoặc theo yêu cầu quản lý, điều hành, phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu đã được quy định đối với từng loại báo cáo;

- Phương pháp tổng hợp số liệu và lập các chỉ tiêu trong báo cáo phải được thực hiện thống nhất ở các đơn vị KBNN, đảm bảo phù hợp với công tác tổng hợp, phân tích, kiểm tra và đối chiếu số liệu;

- Các chỉ tiêu trong báo cáo phải đảm bảo tính đồng nhất, liên hệ logic với nhau một cách có hệ thống, phục vụ cho việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện NSNN và hoạt động nghiệp vụ của hệ thống KBNN;

- Số liệu báo cáo phải chính xác, trung thực, khách quan, được tổng hợp từ cơ sở dữ liệu kế toán sau khi đã được kiểm tra, đối chiếu và khoá sổ kế toán;

- Mẫu biểu báo cáo tài chính cần đơn giản, rõ ràng và thiết thực, phù hợp với yêu cầu thông tin quản lý, điều hành NSNN và hoạt động KBNN;

- Báo cáo phải được lập và nộp đúng thời hạn, đúng nơi nhận theo quy định của từng loại báo cáo;

- Báo cáo được xây dựng trên nguyên tắc phù hợp theo thông lệ quốc tế, phục vụ việc lập báo cáo thống kê tài chính Chính phủ (GFS).

### ***2.2.7. Báo cáo kế toán quản trị***

- Báo cáo kế toán quản trị trong hệ thống KBNN là loại báo cáo chi tiết phục vụ cho việc điều hành kịp thời NSNN các cấp và điều hành hoạt động

ng nghiệp vụ của KBNN trên phạm vi từng đơn vị và toàn hệ thống. Báo cáo kế toán quản trị có thể được lập trên cơ sở dữ liệu kế toán của TABMIS.

- Kỳ báo cáo kế toán quản trị được quy định trong chế độ này là: ngày, tháng, năm. Ngoài ra, Tổng Giám đốc KBNN có thể yêu cầu báo cáo kế toán quản trị theo các kỳ khác, thời điểm khác theo yêu cầu quản lý cụ thể.

- Các KBNN phải thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kế toán quản trị, đảm bảo báo cáo kịp thời, đầy đủ; đúng biểu mẫu và đúng đối tượng sử dụng báo cáo kế toán quản trị theo quy định.

## **CHƯƠNG III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT CHI NSNN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC CAO PHONG**

### **3.1. Tổng quan về Kho bạc Nhà nước Cao Phong - Hòa Bình**

#### ***3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển Kho bạc Cao Phong, tỉnh Hòa Bình***

Tên gọi: Kho bạc Nhà nước Cao Phong

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

Điện thoại: 0218 3844377

Kho bạc nhà nước được thành lập từ ngày 1/4/1990 theo QĐ số 07/HĐBT ngày 4/1/1990 của hội đồng Bộ trưởng, và QĐ 186/TC/QĐ/TCCB ngày 21/3/1990 QĐ của bộ trưởng BTC về việc thành lập hệ thống Kho bạc Nhà nước trực thuộc BTC. Kể từ ngày 1/4/1990 hệ thống KBNN Trực thuộc BTC đã được ra đời và chính thức đi vào hoạt động trong phạm vi cả nước trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, tình hình lạm phát tăng cao, ngân sách khó khăn, đặc biệt là tình trạng khan hiếm tiền mặt trong nền kinh tế vẫn còn tiếp diễn; trong tiến trình đổi mới toàn diện của đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, hệ thống KBNN được tái lập, từng bước xây dựng và phát triển mạng lưới hoạt động trên toàn quốc, kiện toàn tổ chức, bộ máy và phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ, đã đóng góp vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển của ngành tài chính và công cuộc đổi mới phát triển của đất nước. Năm 2001, tách huyện Kỳ Sơn ra thành 2 huyện là Kỳ Sơn và Cao Phong, KBNN Cao Phong được thành lập ngay sau đó. Trụ sở của KBNN Cao Phong tại Khu 2 thị trấn

Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của huyện. Với tổng số 13 Cán bộ CCVC Trong đó 6 nam và 7 nữ; Chi bộ KBNN Cao Phong trực thuộc Huyện uỷ Huyện Cao Phong. Thực tế hoạt động của KBNN Cao Phong hơn 10 năm trưởng thành và phát triển luôn hoàn thành tốt công việc và nhiệm vụ cấp trên giao cho đảm bảo an toàn tuyệt đối tiền và tài sản của nhà nước thực hiện tốt việc quản lý thu chi ngân sách Nhà nước đảm bảo đúng chế độ, định mức và đúng luật NSNN quy định. (Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra, 2015)

### ***3.1.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy Kho bạc Cao Phong, tỉnh Hòa Bình***

#### ***\* Chức năng***

- KBNN Cao Phong là tổ chức trực thuộc KBNN Hòa Bình có chức năng thực hiện nhiệm vụ KBNN trên địa bàn huyện Cao Phong theo quy định của pháp luật.

- KBNN Cao Phong có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện Cao Phong để thực hiện giao dịch thanh toán theo quy định của pháp luật. (Chính phủ, 2009)

#### ***\* Nhiệm vụ, quyền hạn***

- Tập trung các khoản thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện hạch toán các khoản thu cho các cấp ngân sách. KBNN Cao Phong có quyền trích tài khoản tiền gửi của tổ chức cá nhân để nộp NSNN hoặc áp dụng các biện pháp hành chính khác để thu cho NSNN theo quy định của pháp luật. (Chính phủ, 2009)

- Tổ chức thực hiện kiểm soát thanh toán chi trả các khoản chi trên địa



bàn theo quy định của pháp luật. Có quyền từ chối thanh toán, chi trả các khoản chi không đúng không đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm quyết định của mình. (Chính phủ, 2009)

- Quản lý ngân sách huyện và các quỹ tài chính khác được giao; quản lý các khoản tạm thu tạm giữ, tịch thu, ký cược, thế chấp theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.; quản lý tiền, ấn chỉ đặc biệt, tài sản, các loại chứng chỉ có giá của nhà nước và của các đơn vị, cá nhân gửi tại KBNN huyện. (Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra, 2015)

- Thực hiện công tác phát hành thanh toán toán trái phiếu chính phủ theo quy định.

- Quản lý ngân quỹ KBNN huyện theo chế độ quy định.

- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn kho, quỹ tại KBNN huyện.

- Mở tài khoản, kiểm soát tài khoản và thực hiện thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân có quan hệ giao dịch với KBNN huyện.

- Mở, quản lý tài khoản tiền gửi của KBNN huyện tại ngân hàng thương mại trên địa bàn để thực hiện thanh toán, giao dịch theo chế độ quy định.

- Tổ chức thanh toán, đối chiếu, quyết toán thanh toán liên kho bạc tại KBNN huyện.

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán nhà nước: hạch toán kế toán về thu, chi NSNN, các quỹ tài chính do KBNN huyện quản lý, các khoản tạm thu, tạm giữ, ký cược, ký quỹ, tiền, ấn chỉ đặc biệt, các loại chứng chỉ có giá của nhà nước và các đơn vị, cá nhân gửi tại KBNN huyện, các khoản vay nợ, trả nợ của chính phủ theo quy định của pháp luật; xác nhận số liệu thu, chi

NSNN qua KBNN huyện.

- Thực hiện công tác điện báo, báo cáo số liệu về thu, chi NSNN phục vụ công tác chỉ đạo điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; thống kê, báo cáo, quyết toán nghiệp vụ phát sinh tại KBNN huyện.

- Tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tại KBNN huyện.

- Thực hiện công tác tiếp công dân tại KBNN huyện theo quy định.

- Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, hành chính, quản trị, tài vụ tại KBNN huyện theo quy định.

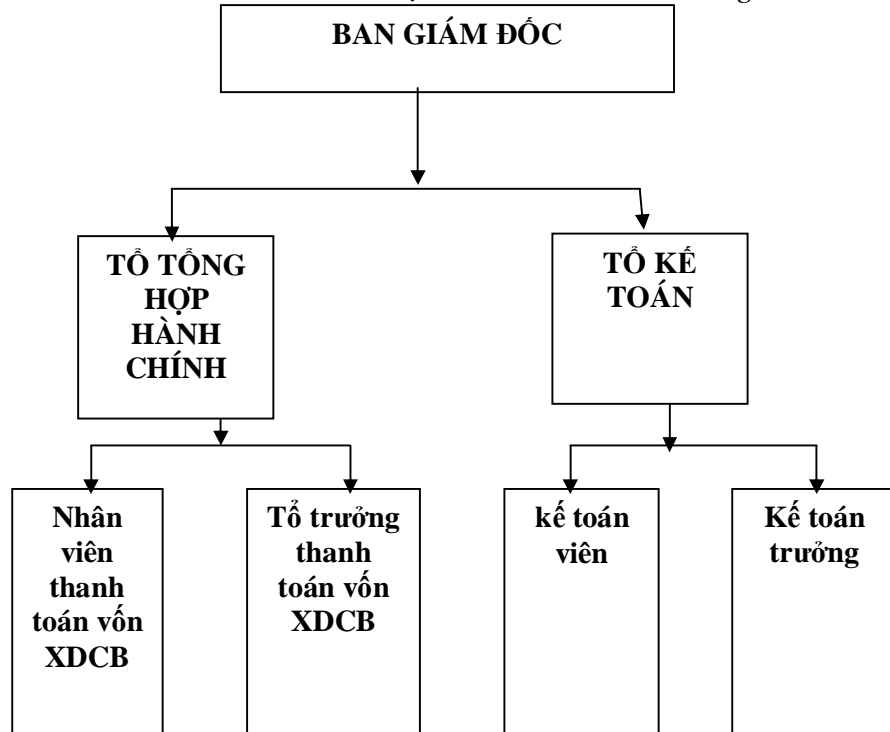
- Tổ chức thực hiện chương trình hiện đại hóa hoạt động KBNN; Thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính theo mục tiêu nâng cáo chất lượng hoạt động, công khai hóa thủ tục, cải tiến quy trình nghiệp vụ và cung cấp thông tin để tạo thuận lợi phục vụ khách hàng.

- Quản lý các điểm giao dịch thuộc KBNN huyện theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc KBNN tỉnh Hòa Bình giao.

(Nguồn: Tổng hợp từ phiếu điều tra, 2015)

\* Cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước Cao Phong - Hòa Bình



**Hình 3.1. Cơ cấu tổ chức Kho bạc Nhà nước Cao Phong**

*(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Cao Phong, Hòa Bình, 2015)*

### 3.1.3. Đánh giá chung

#### 3.1.3.1. Những thuận lợi

- Chi NSNN từng bước được cơ cấu lại theo hướng xóa bỏ bao cấp, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tăng chi đầu tư xã hội, cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp - nông thôn, bảo vệ môi trường, củng cố an ninh - quốc phòng. Nâng cao năng lực quản lý đảm bảo chi NS ngày càng tiết kiệm và hiệu quả cao.

- Điều hành NSNN từng bước chủ động và linh hoạt hơn, NSNN luôn trở thành công cụ đắc lực phục vụ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và quản lý điều tiết vĩ mô nền kinh tế thực hiện chủ trương kích cầu đầu

tư và tiêu dùng bằng điều chỉnh chính sách thuế, tăng chi đầu tư phát triển, hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản và dự trữ nông sản.

- Chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu đối với một số khoản chi chủ yếu đã được chuẩn hóa, từ đó phát huy tính năng động sáng tạo của các cấp chính quyền, nhất là đối với ngân sách và chính quyền cấp xã.

- Địa phương chủ động khai thác nguồn thu để tăng thu cho ngân sách địa phương, các cấp chính quyền ngày càng chăm lo hơn các nguồn thu từ các loại thuế, phí, lệ phí đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo nguồn thu chung của NSNN. Các cấp chính quyền càng nhận thức rõ hơn mối quan hệ giữa các cấp ngân sách trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý NSNN trên địa bàn. Vì vậy, các nguồn thu chủ yếu của NSNN hàng năm đều đạt và vượt so với dự toán.

### *3.1.3.2. Những khó khăn*

- Là một huyện thuộc tỉnh miền núi phía Bắc, trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế; tiếp cận thông tin còn chậm, trong khi đó các bộ luật, chính sách, chế độ thì luôn luôn thay đổi.

- Việc quản lý chi NSNN cho các cấp ở địa phương chưa xứng tầm với khả năng và điều kiện cụ thể của các cấp địa phương, tập trung nhiều ở NS cấp tỉnh, chưa phát huy tốt tính sáng tạo, tự chủ và tính chịu trách nhiệm của cấp dưới. Do đó, chưa phát huy đầy đủ các nguồn lực phát triển và sức mạnh tổng hợp của các cấp chính quyền địa phương.

- Cơ cấu chi đầu tư phát triển cũng còn nhiều bất cập như: chi đầu tư XDCB cũng chưa có trọng điểm, phần lớn chi XDCB cho cơ quan công quyền, đầu tư phát triển nguồn nhân lực còn thấp, chi đầu tư phát triển hạ tầng giao thông còn dàn trải, chưa đạt hiệu quả cao.

- Về cơ cấu chi thường xuyên như: Khoa học công nghệ, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình còn thấp, chi cho cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, an ninh, quốc phòng còn chiếm tỷ trọng lớn và phân bố tỷ trọng chưa phù hợp với xu hướng phát triển.

## **3.2. Tổng quan về chương trình TABMIS**

### ***3.2.1. Sự hình thành và cần thiết hình thành TABMIS***

Quá trình toàn cầu hóa và tốc độ phát triển nhanh của công nghệ thông tin đã làm thay đổi căn bản những mối quan hệ công việc truyền thống. Công nghệ thông tin và truyền thông đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế tri thức. Trong tiến trình hội nhập sâu rộng vào quốc tế (gia nhập AFTA năm 2006, gia nhập WTO năm 2009...) đòi hỏi tuân thủ các hệ thống chuẩn mực, sự tôn trọng và thích ứng với các thông lệ quốc tế, phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự bùng nổ của công nghệ thông tin, đòi hỏi hệ thống KBNN phải áp dụng thành công công nghệ thông tin vào các hoạt động nghiệp vụ của mình. Việc xây dựng một hệ thống thông tin tài chính thống nhất, hiện đại, vận hành một cách thông suốt và an toàn trên phạm vi toàn quốc sẽ là bước nhảy vọt trong công tác quản lý tài chính.

Trong bối cảnh như vậy, sự ra đời và hình thành Hệ thống Thông tin Quản lý ngân sách và Kho bạc - TABMIS (Treasury And Budget Management Information System) là xuất phát từ yêu cầu trong công tác quản lý và điều hành ngân sách nhà nước, dựa trên cơ sở chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 của Chính phủ, định hướng phát triển và chương trình hiện đại hóa ngành tài chính. TABMIS ra đời là bước đầu để đi dần đến việc xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất áp dụng cho

toàn bộ khu vực công (Tổng kế toán nhà nước) phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

### **3.2.2. Tổng quan về TABMIS**

TABMIS là hệ thống thông tin kế toán máy tính, được triển khai thống nhất trong toàn hệ thống KBNN, các cơ quan Tài chính từ trung ương đến địa phương, có kết nối với một số Bộ, ngành chủ quản.

TABMIS có khả năng giao diện được với các phần mềm quản lý tài chính như: Hệ thống quản lý thu thuế (TCS), Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử - thanh toán song phương (TTSP), Hệ thống thanh toán liên ngân hàng...nhằm tăng tính nhất quán và giảm thiểu sự trùng lặp khi sao lưu dữ liệu và để tạo thành một hệ thống thông tin tài chính tích hợp.

#### **3.2.2.1. Cơ sở thiết kế, xây dựng TABMIS**

Các chức năng và quy trình trong TABMIS được thiết kế, xây dựng dựa trên một số chuẩn mực và thông lệ thế giới:

- Mô hình Kho bạc tham khảo (TRM)
- Kế toán trên cơ sở dồn tích; Tài khoản thanh toán tập trung (TSA)
- Phân loại mã tài khoản và mục lục ngân sách thống nhất; Quản lý nợ; Lập ngân sách.
- Bộ sản phẩm Oracle Financial dành cho mô hình Tài chính công.

#### **3.2.2.2. Kiến trúc tổng thể của hệ thống**

Mô hình mà TABMIS lựa chọn là mô hình tập trung. Theo kiến trúc này phần mềm ứng dụng và cơ sở dữ liệu sẽ cài đặt tập trung tại một nơi duy nhất là KBNN, các đơn vị KBNN cấp dưới sẽ kết nối vào trung tâm thông qua các phương tiện viễn thông khác nhau.

### 3.2.2.3. Các quy trình và các phân hệ chính của TABMIS

#### a. Các quy trình của TABMIS

<b>QUY TRÌNH CHÍNH CỦA TABMIS</b>	<b>ỨNG DỤNG ORACLE</b>
Quản lý tài khoản và mục lục ngân sách	Sổ cái
Quản lý phân bổ ngân sách	Quản lý phân bổ ngân sách
Quản lý cam kết chi	Quản lý mua sắm
Quản lý chi	Kế toán phải trả
Quản lý thu	Kế toán phải thu
Quản lý ngân quỹ	Quản lý ngân quỹ
Xử lý cuối năm	Quản trị hệ thống
Quản lý báo cáo	Quản lý báo cáo

**Bảng 3.1: Quy trình chính của TABMIS**

#### b. Các phân hệ chính của TABMIS

TABMIS gồm 6 phân hệ chính:

- GL: Phân hệ sổ cái
- PO: Phân hệ cam kết chi
- BA: Phân hệ phân bổ ngân sách
- AR: Phân hệ quản lý thu
- AP: Phân hệ quản lý chi
- CM: Phân hệ quản lý ngân quỹ

### **3.3. Kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong**

#### **3.3.1. Dự toán Ngân sách Nhà nước**

##### **3.3.1.1. Đối tượng thụ hưởng Ngân sách Nhà nước**

Huyện Cao Phong có 85 đơn vị sử dụng ngân sách, trong đó, ngân sách Trung ương có 8 đơn vị, ngân sách tỉnh có 7 đơn vị, ngân sách huyện 57 đơn vị và ngân sách xã có 13 đơn vị, với 352 tài khoản giao dịch được mở tại Kho bạc.

- 13 Xã thị trấn gồm các xã;

- |                       |                   |
|-----------------------|-------------------|
| 1. Thị trấn Cao Phong | 7. Xã Tân Phong   |
| 2. Xã Bình Thanh      | 8. Xã Dũng Phong  |
| 3. Xã Thung Nai       | 9. Xã Nam Phong   |
| 4. Xã Bắc Phong       | 10. Xã Yên Lập    |
| 5. Xã Thu Phong       | 11. Xã Yên Thượng |
| 6. Xã Tây Phong       | 12. Xã Đông Phong |
|                       | 13. Xã Xuân Phong |

- Ngân sách huyện gồm 57 đơn vị:

+ 01 xã gồm (01 Trường mầm non - 01 Trường Tiểu học - 01 Trường THCS) x 12 xã = 36 đơn vị.

+ 21 Phòng ban trong huyện.

- Ngân sách TW 8 đơn vị (Viện kiểm sát, Tòa án, Thuế, Thi hành án, Công an, Kho bạc, Ban chỉ huy Quân sự, Chi cục Thống kê)

- Ngân sách tỉnh 7 đơn vị (Trường PTTH Cao Phong - Trường PTTH Thạch Yên - Trường PTTH Dân tộc nội trú- Trung tâm giáo dục thường xuyên -, Bệnh Viện, Trung tâm Dân số Kế hoạch hóa gia đình, Hạt kiểm lâm).



### 3.3.1.2. Dự toán thu, chi

Hàng năm, từ giữa tháng 6 đến 30 tháng 7, các cơ quan nhà nước ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách cấp mình, gửi Ủy ban nhân dân cấp trên. Đối với năm đầu của thời kỳ ổn định, các cơ quan tài chính cấp trên chủ trì, phối hợp với cơ quan Kế hoạch và Đầu tư tổ chức làm việc với Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, các cơ quan đơn vị cùng cấp về dự toán ngân sách để thảo luận về dự toán ngân sách theo chế độ, tiêu chuẩn hiện hành, phù hợp với khả năng ngân sách, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm tiết kiệm. Trong những năm tiếp theo của thời kỳ ổn định, các cơ quan tài chính cấp trên chỉ làm việc khi Ủy ban nhân dân cấp dưới có đề nghị sửa đổi dự toán bất thường.

- Phòng Tài chính Kế hoạch.

+ Xem xét dự toán của các đơn vị thuộc tỉnh, dự toán thu của cơ quan Thuế, Hải quan, dự toán thu chi ngân sách của các huyện;

+ Lập dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu - chi ngân sách của huyện, dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Báo cáo Ủy ban nhân dân huyện trước ngày 20/7 để trình Thường trực Hội đồng nhân dân huyện xem xét.

Ủy ban nhân dân huyện gửi dự toán ngân sách của huyện đến Phòng Tài chính, Kế hoạch, Phòng Giáo dục và Đào tạo với dự toán thuộc các lĩnh vực này; các cơ quan trung ương quản lý chương trình mục tiêu quốc gia (phần dự toán chương trình mục tiêu quốc gia) trước ngày 25/7.

-Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân mỗi cấp trong quá trình giao và phân bổ ngân sách địa phương như sau:

+ Ủy ban nhân dân huyện

Căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách cấp huyện và mức bổ sung từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp dưới trước ngày 10/12.

Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, Phòng Tài chính trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao nhiệm vụ ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân huyện thực hiện:

- \* Giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- \* Giao nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ% phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cho các cấp chính quyền địa phương.

- \* Tỷ lệ% phân chia các khoản thu ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương.

- \* Mức bổ sung ngân sách huyện.

+ Ủy ban nhân dân huyện Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách cấp mình. Ủy ban nhân dân huyện thực hiện:

- \* Giao nhiệm vụ thu, chi cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- \* Giao nhiệm vụ thu, chi, mức bổ sung cho ngân sách xã.

- \* Tỷ lệ% phân chia các khoản thu giữa huyện và các xã.

+ Ủy ban nhân dân xã

Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân xã cùng cấp quyết định dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách cấp mình. Dự toán ngân sách cấp xã phải được quyết định trước ngày 31/12.

### 3.3.2. Thực hiện dự toán

#### 3.3.2.1. Thực hiện dự toán thu

Tổng thu ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách tỉnh, huyện và xã, phường) năm 2014 là 19.731 tỷ đồng, tăng 14.01% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó thu ngân sách trên địa bàn đạt 19.407 tỷ đồng, tăng 13,98% so với năm 2013; thu bổ sung từ ngân sách trung ương thực hiện 0.324 tỷ đồng tăng 16.45% so với năm 2013.

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2015 là 18.265 tỷ đồng, giảm 9.26% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó thu ngân sách trên địa bàn 17.995 tỷ đồng giảm 9,27% so với năm 2014; thu bổ sung từ ngân sách trung ương thực hiện 0.270 tỷ đồng giảm 8.33% so với năm 2014

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2013- 2015 là:

**Bảng 3.2. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2013 - 2015**

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

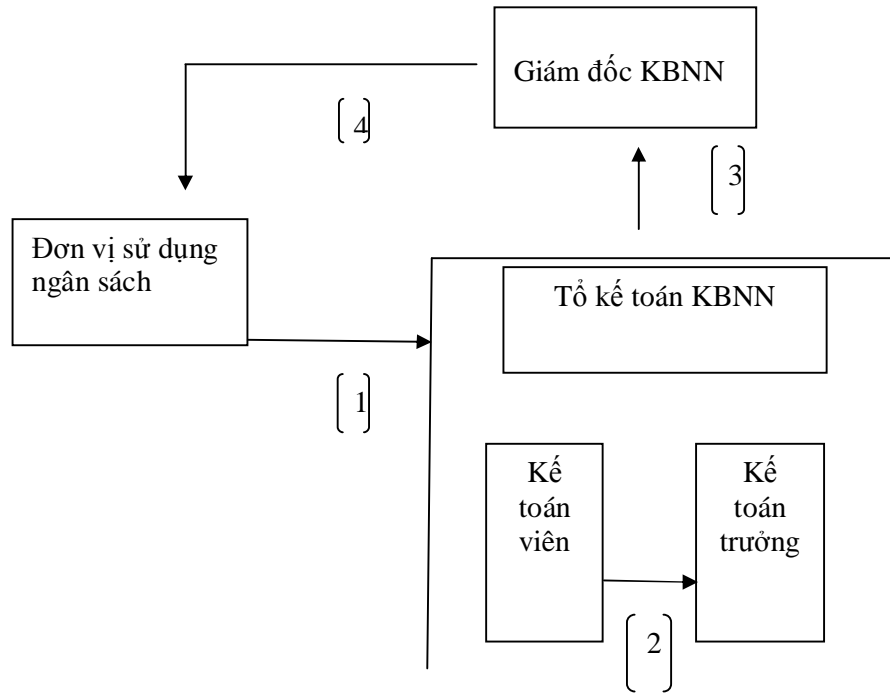
STT	Nội dung	Năm	Năm	Năm	So sánh %		
		2013	2014	2015	14/13	15/14	BQ
1	Thu ngân sách trung ương	198	324	270	1,636	0,833	1,235
2	Thu ngân sách địa phương	13.885	19.407	17.995	1,398	0,912	1,155
	<b>Tổng cộng</b>	14.083	19.731	18.265			

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Cao Phong, Hòa Bình, 2013 - 2015)

#### 3.3.2.2. Thực hiện dự toán chi

\*Tình hình quản lý chi thường xuyên

a. Quy trình quản lý chi thường xuyên:



**Hình 3.2. Quy trình chi thường xuyên tại Kho bạc Cao Phong.**

b. Tình hình quản lý chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước huyện từ năm 2013 đến năm 2015

Tổng chi ngân sách trên địa bàn huyện Cao Phong ngày một tăng, năm sau cao hơn năm trước, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, số liệu chi thể hiện như sau:

**Bảng 3.3. Tình hình chi ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Cao Phong năm 2013 - 2015**

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Nội dung	Năm	Năm	Năm	So sánh %		
		2013	2014	2015	14/13	15/14	BQ
1	Chi ngân sách trung ương	17.516	25.208	32.829	143,9	130,2	137,1
a	Chi thường xuyên	17.516	18.182	18.067			
b	Chi đầu tư XDCB	0	7.026	14.762			
2	Chi ngân sách tỉnh	450.003	469.986	535.147	104,4	113,9	109,2
a	Chi thường xuyên	436.154	454.604	531.007			
b	Chi đầu tư XDCB	13.849	15.382	4.140			
3	Chi ngân sách huyện	424.678	438.323	491.161	103,2	112,1	107,7
a	Chi thường xuyên	422.290	433.485	472.786			
b	Chi đầu tư XDCB	2.388	4.838	18.375			
4	Chi ngân sách xã	95.070	101.062	103.102	106,3	102,0	104,2
a	Chi thường xuyên	95.070	101.062	103.102			
b	Chi đầu tư XDCB						
	<b>Tổng cộng</b>	<b>987.267</b>	<b>1.034.579</b>	<b>1.162.239</b>			

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Cao Phong, Hòa Bình, 2013 - 2015)

Công tác quản lý ngân sách được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành. Kế toán đã kiểm soát hóa đơn, chứng từ trước khi ra quyết định chi, thanh toán kịp thời các nguồn chi đúng quy định. KBNN huyện đã kiên quyết trong việc tạm đình chỉ các khoản chi: chi không đúng mục đích, đối tượng trong phạm vi dự toán được duyệt. cụ thể, từ năm 2013 đến năm 2015 kế toán KBNN huyện Cao Phong đã từ chối thanh toán số tiền 805 triệu đồng. Riêng năm 2015, qua kiểm soát KBNN Cao Phong đã từ chối thanh toán số tiền là 286 triệu đồng.

Tình trạng khai tăng chi phí đã giảm, công tác kiểm soát chi dự toán ngân sách ngày càng tốt hơn.

Số chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2014 là 454.604 triệu đồng tăng so với năm 2013 là 436.154 triệu đồng, nguyên nhân do nhiệm vụ chi cho lĩnh vực giáo dục đào tạo từ năm 2013 trở về trước do ngân sách tỉnh chi, nhưng đến năm 2014 nhiệm vụ chi giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đã chuyển cho ngân sách huyện chi.

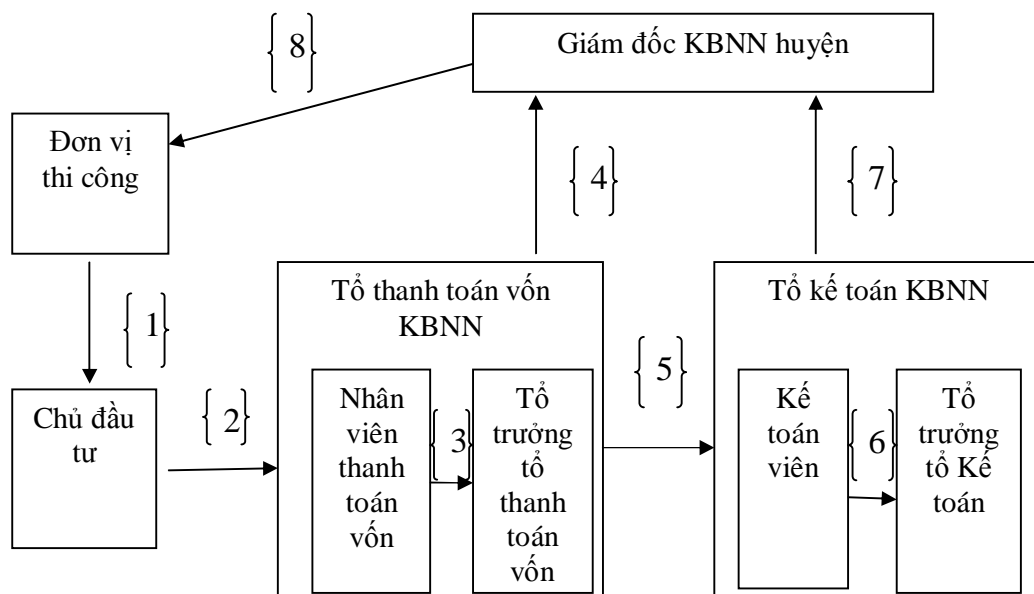
Trong năm 2014, số chi xây dựng cơ bản NS tỉnh là 15.382 triệu đồng tăng so với năm 2013 là 13.849 triệu đồng, nguyên nhân do năm 2014, huyện Cao Phong đã tổ chức nhiều khu đấu giá đất, số thu tiền sử dụng đất đạt 53 tỷ đồng, do vậy huyện Cao Phong đã chủ động bố trí nguồn vốn chi đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện, tập trung ở một số xã trọng điểm xây dựng nông thôn mới.

Năm 2015, số chi thường xuyên NS huyện và số chi xây dựng cơ bản tăng so với năm 2014 là do ngân sách huyện tăng nhiệm vụ chi cho phát triển giáo dục, và xây dựng nhiều mô hình kinh tế mới.

*\* Tình hình quản lý chi đầu tư*

*a. Quy trình quản lý kiểm soát chi vốn đầu tư*

Tại KBNN Cao Phong, cán bộ thanh toán vốn sẽ kiểm tra nhập vốn cho từng công trình vào máy. Đây được coi là căn cứ chủ yếu để KBNN Cao Phong cấp phát vốn cho đơn vị thụ hưởng khi có đủ điều kiện thanh toán vốn sau này.



Hình 3.3. Quy trình quản lý thanh toán vốn đầu tư qua Kho bạc Cao Phong, tỉnh Hòa Bình

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Cao Phong, Hòa Bình, năm 2015)

*b. Tình hình quản lý chi đầu tư qua Kho bạc Nhà nước huyện từ năm 2013 đến năm 2015*

Số lượng vốn đầu tư XDCCB trên địa bàn huyện Cao Phong từ nhiều nguồn vốn ( Nguồn Trung ương, tỉnh, huyện, xã và vốn ngoài nước, vốn ủy nhiệm...) Từ năm 2013 đến năm 2015 xấp xỉ 26.000 triệu đồng tương ứng với hơn 132 dự án. Đây là khối lượng vốn đầu tư khá lớn mà KBNN Cao Phong đảm nhận trong 3 năm qua. Để thực hiện tốt nhiệm vụ, KBNN Cao Phong đã tổ chức triển khai và chấp hành triệt để quy trình quản lý kiểm soát cấp phát, thanh toán vốn đầu tư kịp thời tham mưu cho UBND huyện và phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết tháo gỡ các vấn đề vướng mắc.

Kế toán KBNN đã tiến hành theo dõi số vốn thanh toán cho mỗi công trình theo mã công trình của dự án, thuận tiện cho việc kiểm số liệu đã chi tạm

ứng, chi thanh toán.

Trường hợp cấp vốn tạm ứng: KBNN kiểm tra xem hồ sơ tạm ứng có đúng tỷ lệ % theo quy định thầu hay không và tỷ lệ tạm ứng đã khớp đúng với chế độ tạm ứng theo quy định.

Trường hợp thanh toán vốn theo khối lượng hoàn thành: số vốn thanh toán tối đa của dự toán phải bằng với dự toán đã được phê duyệt. Nếu dự toán có đơn giá cao hơn ( trường hợp trượt giá đơn vị thi công không thể thi công theo đơn giá chỉ định thầu) thì phải có sự phê duyệt của UBND huyện

**Bảng 3.4. Kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư giai đoạn 2013 - 2015**

(Đơn vị: Triệu đồng)

STT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	So sánh %		
					14/13	15/14	BQ
1	Chi XD CB	17.074	28.309	38.013	165,8	134,3	150,1
2	Chi vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư	58.901	60.531	113.123	102,8	186,9	144,9
	<b>Tổng</b>	<b>75.975</b>	<b>88.840</b>	<b>151.136</b>			

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Cao Phong, Hòa Bình, 2013 - 2015)

### **3.4. Thực trạng công tác kế toán phục vụ kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong.**

#### **3.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong**

Bộ máy kế toán KBNN Cao Phong bao gồm 7 cán bộ công chức, trong đó có 2 cán bộ nam và 5 cán bộ nữ. Tuổi đời trẻ nhất là 29 và tuổi đời cao nhất là 42. Với đội ngũ cán bộ phần đa là trẻ chính là một điểm mạnh của KBNN Cao Phong trong thực thi công vụ.



\* Nội dung công việc kế toán của mỗi phần hành kế toán bao gồm:

- Lập, tiếp nhận, kiểm soát, xử lý các chứng từ kế toán; ghi sổ kế toán; tổng hợp số liệu kế toán hàng ngày, tháng, quý, năm.

- Kiểm tra số liệu kế toán, lập và gửi các loại điện báo, báo cáo hoạt động nghiệp vụ, báo cáo nhanh và báo cáo tài chính định kỳ.

- Phân tích, lưu giữ số liệu kế toán, lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán.

Đứng đầu bộ máy kế toán là Tổ trưởng - Kế toán trưởng, Tổ phó là người giúp việc cho Kế toán trưởng. 5 kế toán viên được phân công phụ trách các đơn vị sử dụng ngân sách theo cấp ngân sách, mảng nghiệp vụ và các công việc cụ thể khác...

### ***3.4.2. Thực trạng công tác kế toán tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong***

#### ***3.4.2.1. Về hệ thống chứng từ trong công tác kế toán***

Chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS được thực hiện theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và nghiệp vụ kho bạc (TABMIS).

*a. Công tác lập chứng từ kế toán và phản ánh nghiệp vụ phát sinh vào chứng từ:*

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN đều phải lập chứng từ kế toán; chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, trên chứng từ phải ghi đầy đủ, rõ ràng, chính xác các nội dung theo quy định. Chứng từ kế toán có thể được lập theo mẫu in sẵn hoặc được lập và in ra trên máy tính theo phần mềm kế toán.

Chứng từ kế toán tại KBNN Cao Phong được thể hiện dưới hai hình thức là chứng từ kế toán bằng giấy và chứng từ kế toán điện tử và gồm hai loại là chứng từ kế toán và chứng từ hướng dẫn.

*b. Công tác kiểm tra chứng từ:*

Tất cả các chứng từ kế toán do KBNN lập hay do bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung ở bộ phận kế toán, bộ phận kế toán phải kiểm tra đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ và thực hiện ghi sổ kế toán.

\* Trình tự kiểm tra chứng từ kế toán:

- Kiểm tra tính pháp lý của chứng từ và của nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh ghi trên chứng từ kế toán.

- Kiểm tra tính rõ ràng, trung thực, đầy đủ của các chỉ tiêu, các nội dung ghi chép trên chứng từ kế toán.

- Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên chứng từ kế toán.

*c. Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán*

Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán phù hợp với quy trình TABMIS theo từng phân hệ đảm bảo các công việc sau:

- Lập, tiếp nhận, phân loại chứng từ kế toán.

- Kế toán viên, Kế toán trưởng kiểm tra, ký vào chỗ quy định trên chứng từ; Trình lãnh đạo ký.

- Định khoản, nhập bút toán vào hệ thống; phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán.

- Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán.

### 3.4.2.2. Hệ thống tài khoản kế toán trong công tác kế toán

Tài khoản kế toán áp dụng cho TABMIS có sự thay đổi cơ bản so với trước. Tổ hợp tài khoản gồm 12 phân đoạn mã (43 ký tự) phục vụ cho việc hạch toán kế toán chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo yêu cầu của quản lý, điều hành NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN.

Tổ hợp tài khoản kế toán áp dụng cho TABMIS có dạng như sau:

- 01.8113.7002.1.1056181.154.018.004.00000.13.000

Với tổ hợp tài khoản như trên kế toán viên KBNN thông qua đó có thể nhận biết được các thông tin như đơn vị sử dụng ngân sách là Chi cục thuế huyện Cao Phong (mã 1056181), thuộc cấp ngân sách Trung ương (mã cấp 1), chi mua trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng (mã NDKT 7002) bằng nguồn kinh phí tự chủ (mã nguồn 13) và một số thông tin khác...

### 3.4.2.3. Hệ thống sổ kế toán trong công tác kế toán

Kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS tại KBNN Cao Phong áp dụng hoàn toàn trên máy vi tính thông qua ứng dụng “TABMIS”. Mọi công việc kế toán đều được thực hiện theo quy trình được thiết kế trên phần mềm. Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Đầu các kỳ kế toán năm, Đội quản lý trung tâm ở cấp tỉnh thực hiện mở kỳ kế toán cho bộ sổ mới.

2. Trước khi cập nhật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Đội quản lý trung tâm của hệ thống cấp tỉnh được giao trách nhiệm phải kiểm tra và cập nhật các thông tin dùng chung cho toàn bộ máy vi tính.

3. Sau khi kỳ kế toán đã mở, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra dùng làm căn cứ tạo lập dữ liệu kế toán, các kế toán viên hoặc những người có liên quan thực hiện nhập dữ liệu.

4. Cuối tháng, Đội thiết lập hệ thống tỉnh thực hiện các thủ tục đóng kỳ kế toán theo quy định, kế toán trưởng thực hiện kiểm soát và lập báo cáo.

5. Lưu trữ giữ liệu, chứng từ và các sổ kế toán theo đúng quy định.

#### *3.4.2.4. Công tác lập hệ thống báo cáo kế toán*

Hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quản trị đơn vị thực hiện theo thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013. Các báo cáo được lập theo kỳ kế toán (tháng, quý, năm) và được in ra từ chương trình ứng dụng TABMIS. Quy định với báo cáo tháng gửi chậm nhất ngày 5 tháng sau, báo cáo quý gửi chậm nhất ngày 5 đầu quý sau, riêng báo cáo năm gửi chậm nhất ngày 15/2 năm sau.

KBNN Cao Phong trong những năm đầu triển khai hệ thống TABMIS luôn là một trong những đơn vị thực hiện tốt việc lập và gửi các báo cáo đầy đủ và đúng mẫu biểu, chính xác về nội dung, đúng thời hạn và gửi đến tất cả các cơ quan quy định phải gửi báo cáo như Phòng kế toán KBNN tỉnh, Phòng Tài chính huyện, Chi cục thuế huyện, UBND các xã, thị trấn...

#### *3.4.2.5. Công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán*

Kho bạc Nhà nước đã ban hành quyết định số 351/QĐ-KBNN ngày 14/5/2008 của Tổng Giám đốc KBNN về ban hành Quy trình tự kiểm tra các nghiệp vụ KBNN. Theo đó tổ kế toán hàng quý, năm phải xây dựng kế hoạch tự kiểm tra nghiệp vụ tại đơn vị mình và hàng tháng phải báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Thanh tra – KBNN tỉnh. Căn cứ vào kế hoạch thanh tra được duyệt, Phòng Thanh tra tiến hành thanh tra tại các đơn vị, lập báo cáo thanh tra trình Giám đốc KBNN tỉnh để nhắc nhở, chấn chỉnh, xử lý kịp thời các sai phạm trong công tác kế toán.

Tuy nhiên, việc thực hiện công tác tự kiểm tra tại tổ kế toán chưa thực sự nghiêm túc, mang tính đối phó. Công tác thanh tra tuy thực hiện thường xuyên nhưng chưa sâu, còn vị nể. Do vậy những sai sót, vi phạm trong công tác kế toán chưa được phát hiện kịp thời.

### ***3.4.3. Đánh giá thực trạng công tác kế toán tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong***

#### ***3.4.3.1. Một số kết quả đạt được trong công tác kế toán***

Từ khi triển khai hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc TABMIS cho đến nay, KBNN Cao Phong đã từng bước hoàn thiện công tác kế toán theo quy định tại Thông tư 08/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS. Cùng với việc Bộ Tài chính ban hành Thông tư 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012, Thông tư 39/2016/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung thông tư 161/2012/TT-BTC quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua Kho bạc đã giúp quản lý tốt hơn các khoản chi của đơn vị sử dụng ngân sách, kiểm soát chặt chẽ các khoản thanh toán chi thường xuyên, chi vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, sửa chữa cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị, chi thanh toán cho cá nhân...

Công tác kế toán cơ bản cũng đã ổn định và đi vào nề nếp, với việc thực hiện tốt công tác kế toán đã giúp cho các cấp lãnh đạo, các Ngành quản lý điều hành có hiệu quả, chính xác, kịp thời các khoản thu, chi NSNN. Các kế toán viên và người sử dụng khác đã dần hoàn thiện trình độ, kỹ năng và từng bước làm chủ ứng dụng TABMIS, đáp ứng yêu cầu của Ngành Kho bạc nói riêng và của Bộ Tài chính nói chung trong công tác quản lý NSNN.

Ngoài việc tuân thủ các quy định của chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc, đơn vị đã chủ động

nghiên cứu, sáng tạo và áp dụng thành công một số ứng dụng hỗ trợ cho TABMIS, giúp tiết kiệm thời gian, nhanh chóng, chính xác, hạn chế tối đa sai sót trong nghiệp vụ hạch toán kế toán. Có thể kể đến như các sáng kiến đã được Hội đồng thi đua khen thưởng KBNN Trung ương, KBNN tỉnh Hòa Bình đánh giá cao và cho triển khai tại các KBNN trong cùng hệ thống như: “Ứng dụng WebADI vào công tác điều chỉnh dự toán ngân sách cấp xã tại KBNN Cao Phong”; “Chủ động trong công tác đối chiếu số liệu với Ngân hàng với chức năng truy vấn quỹ”; “Tổng hợp phân đoạn mã tài khoản ứng dụng cho TABMIS”...

Việc vận dụng hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản, hệ thống sổ kế toán, các phần mềm kế toán, hệ thống báo cáo tài chính của đơn vị thực hiện khá tốt. Đơn vị cũng đã áp dụng các mẫu biểu chứng từ, quy trình luân chuyển chứng từ, tổ chức hạch toán kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ. Công tác lưu trữ chứng từ, tài liệu kế toán đảm bảo khoa học, an toàn, dễ tra cứu, tìm kiếm.

Công tác tự kiểm tra tài chính kế toán theo quý, năm cũng đã được KBNN Cao Phong triển khai và đi vào nề nếp, thường xuyên nên đã hạn chế được những sai sót, nhầm lẫn trong kế toán, điều chỉnh kịp thời, góp phần thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong đơn vị.

Với những cố gắng, nỗ lực của cán bộ công chức trong toàn đơn vị trong suốt những năm qua, đặc biệt là trong giai đoạn đầu triển khai hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc TABMIS từ năm 2012 cho đến nay, KBNN Cao Phong liên tục nhiều năm liền được KBNN biểu dương. Đặc biệt năm 2014 được KBNN Hòa Bình tặng lá cờ đầu cho tập thể xuất sắc trong phong trào thi đua khen thưởng. Nhiều cá nhân được khen tặng Bằng khen Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Giấy khen Tổng

Giám đốc KBNN, Giấy khen Giám đốc KBNN Hòa Bình... Có được kết quả như trên là nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công chức KBNN Cao Phong, cùng với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, cấp Ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp, tuân thủ của các đơn vị sử dụng ngân sách trên toàn địa bàn.

#### *3.4.3.2. Một số hạn chế trong công tác kế toán*

Tuy đã đạt được một số kết quả khả quan như đã nêu trên, song công tác kế toán tại Kho bạc Nhà nước Cao Phong vẫn còn một số hạn chế như sau:

##### *a. Về tổ chức bộ máy kế toán*

- Số cán bộ kế toán làm công tác giao dịch ít nên phải kiêm nhiệm nhiều mảng nghiệp vụ, phần hành kế toán khác nhau dẫn đến thiếu chuyên sâu, đòi hỏi phải tập trung nghiên cứu đúc rút kinh nghiệm để hoàn thành tốt được nhiệm vụ được giao.

- Trình độ năng lực chuyên môn giữa các cán bộ làm công tác kế toán là không đồng đều dẫn đến thiếu hiệu quả trong công tác triển khai tập trung, công tác giao dịch cũng như tổng hợp số liệu. Cụ thể, 1 đồng chí kế toán viên sơ cấp tương đối lớn tuổi; 1 đồng chí kế toán viên mới chuyển đến từ đơn vị ngoài ngành nên chưa nắm bắt được công tác kế toán ngân sách nhà nước.

- Tổ phó tổ Kế toán cũng đồng thời là kế toán viên giao dịch, dẫn đến công tác tổng hợp, báo cáo số liệu, nhận ủy quyền Kế toán trưởng còn hạn chế.

##### *b. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán*

- Khi tham gia vào TABMIS, đội ngũ kế toán đã được đào tạo cơ bản về phần mềm kế toán này. Tuy nhiên do không đồng đều về trình độ, việc tiếp cận với công nghệ thông tin còn hạn chế. Mặt khác ngay đầu triển khai việc

làm quen với thao tác phức tạp trên TABMIS cũng là một mặt hạn chế của hầu hết các cán bộ làm công tác kế toán nói chung cũng như cán bộ kế toán KBNN Cao Phong nói riêng.

- Vẫn còn những cán bộ làm công tác kế toán chưa thực sự thành thạo và nắm vững các ứng dụng liên quan đến nghiệp vụ, gây khó khăn khi nhận bàn giao và trong công tác phối hợp. Đặc biệt việc nhập liệu thường xảy ra sai sót, số liệu không chính xác...

*c. Về vận dụng và sử dụng chứng từ kế toán*

*\* Về phía đơn vị sử dụng ngân sách:*

- Nhiều chứng từ của đơn vị còn sai sót các lỗi như: lỗi chính tả, sai số tài khoản, sai niên độ ngân sách, sai số tiền bằng số bằng chữ, sai mã NDKT, mã nguồn, mã chương, mã ngành... Những lỗi kể trên dẫn đến việc hạch toán kế toán không phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Sai niên độ ngân sách làm sai lệch trong công tác quyết toán khóa sổ cuối năm; Sai mã chương, mã ngành làm sai lệch số liệu giữa các đơn vị sử dụng ngân sách...

- Mẫu biểu chứng từ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS đã được quy định tại thông tư 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính, tuy nhiên việc chấp hành mẫu biểu theo quy định của các đơn vị sử dụng ngân sách còn nhiều hạn chế làm ảnh hưởng đến quy trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ giữa Kho bạc và đơn vị.



**Bảng 3.5. Thống kê lỗi sử dụng chứng từ năm 2013 - 2015**

STT	Tên lỗi	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	2014/2013	2015/2014
1	Lỗi ghi thiếu thông tin, thông tin sai, thông tin bị sửa đổi	51	47	39	0,922	0,830
2	Lỗi hồ sơ sai mẫu quy định	42	38	29	0,905	0,763
3	Lỗi phản ánh sai mã nội dung kinh tế của các khoản chi NSNN	29	25	14	0,862	0,56
4	Lỗi sai số tiền bằng số, bằng chữ	13	15	12	1,154	0,8
5	Lỗi định khoản các khoản chi	10	12	5	1,2	0,417

(Nguồn: Kho bạc Nhà nước Cao Phong, Hòa Bình, 2013 - 2015)

\* Về phía kế toán viên Kho bạc:

- Qua công tác thanh tra, tự kiểm tra cho thấy nhiều chứng từ chưa hợp lệ, hợp pháp từ phía đơn vị giao dịch vẫn được kế toán viên tiếp nhận và hạch toán trên hệ thống.

- Việc ghi chép các thông tin trên chứng từ chưa đầy đủ, công tác kiểm tra, luân chuyển chứng từ còn chưa hợp lý, khoa học.

- Công tác chấm chứng từ cuối ngày và đưa vào kho lưu trữ còn thực hiện chưa kịp thời, chưa tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 858/QĐ-KBNN ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Kho bạc Nhà nước về việc ban hành quy chế bảo quản, lưu trữ và tiêu hủy tài liệu kế toán của hệ thống Kho bạc Nhà nước trong điều kiện vận hành TABMIS, nhiều tập chứng từ còn để tại nơi làm việc dẫn đến nguy cơ mất an toàn đối với dữ liệu kế toán, dễ cháy và ẩm ướt.

*d. Về việc vận dụng hệ thống tài khoản*

- Tổ hợp tài khoản không có mã niên độ ngân sách mà thực hiện theo dõi kỳ kế toán trên hệ thống nên việc hạch toán và lấy số liệu ở những thời điểm cuối năm, đặc biệt là tại kỳ chính lý quyết toán từ 01/01 đến 31/01 năm sau rất khó khăn, quy trình nghiệp vụ phức tạp.

- Tổ hợp tài khoản gồm 12 phân đoạn mã nhập liệu theo phương pháp thủ công (nhập liệu từng phân đoạn) dẫn đến việc kết hợp chéo giữa các phân đoạn dễ xảy ra sai lệch, vi phạm quy tắc kết hợp chéo giữa các phân đoạn mã chương, mã ngành, mã địa bàn hành chính và mã quan hệ ngân sách, làm sai lệch số liệu. Việc rà soát và kiểm tra hạch toán tổ hợp tài khoản vẫn mang tính thủ công, tốn nhiều thời gian và không hiệu quả.

- Mục lục ngân sách được thiết kế quá dài, phức tạp, còn nhiều điểm chồng chéo, làm cho việc phân bổ dự toán, theo dõi hạch toán kế toán quá chi tiết, mất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến hiệu suất công việc.

- Đối với chi đầu tư XD CB còn sử dụng chung 1 mã dự án cho nhiều dự án, do đó khó theo dõi số liệu cấp phát của từng dự án, nhất là trong công tác đối chiếu số liệu, quyết toán cuối năm.

- Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong thực tế hoạt động Kho bạc nhưng vẫn chưa có bổ sung tài khoản và hướng dẫn hạch toán cụ thể, chi tiết cho từng nghiệp vụ.

- Việc hạch toán thu ngoại tệ: Chế độ quy định tại công văn 388/KBNN-KTNN ngày 01 tháng 3 năm 2013 không cho hạch toán ngoại tệ vào tài khoản tiền gửi của đơn vị, do đó các đơn vị phải bán ngoại tệ cho ngân hàng sau đó mới chuyển tiền Việt nam đồng vào tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Phòng giao dịch của Kho bạc Nhà nước tỉnh. Như vậy Kho bạc mất đi

nguồn ngoại tệ lẽ ra phải được tập trung ở Kho bạc. Tỷ giá hạch toán ngoại tệ cũng là vấn đề gây nhiều tranh cãi. Kho bạc hiện đang sử dụng tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính, trong khi đối tượng thụ hưởng lại muốn hạch toán theo tỷ giá của Ngân hàng, trong khi tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính luôn luôn nhỏ hơn tỷ giá của Ngân hàng. (Tại thông báo số 2435/TB-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định tỷ giá hạch toán giữa đồng Việt Nam với đô la Mỹ (USD) tháng 10 năm 2015 là 1USD=21.890, trong khi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương là 22.505)

*e. Về công tác lập báo cáo áp dụng cho TABMIS*

- Hiện chương trình TABMIS đã có đủ báo cáo tài chính nhưng mẫu biểu trên chương trình chưa đúng với mẫu biểu quy định nên báo cáo quyết toán vẫn còn phải lấy số liệu từ chỉ tiêu này sang chỉ tiêu khác.

- Danh mục báo cáo quản trị như báo cáo tình hình tồn quỹ, báo cáo phải thu, phải trả, tạm thu, tạm giữ chờ xử lý... đều phải làm thủ công. Kế toán viên chỉ in được số chi tiết từng tài khoản theo các chỉ tiêu trên báo cáo sau đó tổng hợp và đưa vào báo cáo. Hiện chỉ có Bảng cân đối tài khoản là hoàn thiện và sử dụng được.

- Ngoài các mẫu báo cáo đã quy định trong chế độ kế toán, trong quá trình thực hiện để đáp ứng nhu cầu điều hành NSNN, có rất nhiều các yêu cầu KBNN phải cung cấp số liệu nhanh, đột xuất mang tính đặc thù của địa phương, với những thông tin cần cung cấp rất đa dạng, nhiều chiều đặc biệt trong những thời gian cao điểm như cuối tháng, cuối năm, hết thời gian chỉnh lý quyết toán... Việc lấy số liệu này thường có yêu cầu gấp, trong thời gian ngắn, chỉ tiêu không theo mẫu biểu sẵn có, theo đặc thù của địa phương. Để đáp ứng yêu cầu này kế toán phải lập báo cáo thủ công trên cơ sở số liệu kết

xuất từ nhiều báo cáo khác nhau, khá phức tạp, mất nhiều thời gian, người dùng phải thông thạo về hệ thống báo cáo để có thể lấy được số liệu.

- Phạm vi áp dụng kế toán nhà nước trên hệ thống TABMIS bao gồm các đơn vị KBNN, cơ quan Tài chính các cấp, đơn vị dự toán tham gia vào TABMIS... Tuy nhiên, trách nhiệm lập báo cáo chủ yếu quy định cho KBNN, hiện nay phần hành kế toán lệnh chi tiền do cơ quan tài chính thực hiện nhưng các báo cáo số liệu chi NSNN bằng Lệnh chi tiền vẫn quy định do KBNN lập và gửi cơ quan Tài chính.

- Một số báo cáo thiết lập công thức trên TABMIS chưa có phiên bản công thức áp dụng trong những thời gian nhất định, vì vậy, khi bổ sung thay đổi công thức tính toán các chỉ tiêu, số liệu sẽ bị cập nhật lại theo phiên bản mới làm thay đổi số liệu cũ đã báo cáo.

*f. Về công tác kiểm tra, tự kiểm tra tài chính kế toán*

- Phòng Thanh tra của KBNN tỉnh đã có quy chế tự kiểm tra và thanh tra các KBNN cấp huyện định kỳ theo quý và năm. Tuy nhiên việc thanh kiểm tra còn mang tính hình thức, chiếu lệ, chưa phát huy được vai trò. Mặt khác trình độ chuyên môn của thanh tra viên còn hạn chế, mức độ quan tâm của lãnh đạo chưa sâu sát.

- Công tác tự kiểm tra tại KBNN huyện chưa thực sự được quan tâm đúng mức, còn mang tính chủ quan và thiếu trách nhiệm. Tuy đã xây dựng kế hoạch tự kiểm tra theo quý và lập báo cáo tự kiểm tra gửi KBNN tỉnh, nhưng công tác tự kiểm tra chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn tồn tại nhiều sai sót trong hạch toán kế toán, trong khâu lưu trữ và đóng tập chứng từ.

*j. Về phần mềm, hệ thống TABMIS*

- Giai đoạn đầu triển khai vận hành hệ thống còn gặp một số trục trặc, tốc độ đường truyền thấp, thường xuyên quá tải, mất đường truyền, việc nhập chứng từ liên tục bị ngắt, toàn bộ các báo cáo khai thác từ TABMIS đều không thực hiện được.

- Việc kết nối giữa TABMIS với các chương trình ứng dụng khác đang sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc như TCS (Thu thuế điện tử), TTSP (Thanh toán song phương điện tử)... chưa trôi chảy, đôi lúc vẫn còn xảy ra trục trặc và rất chậm khi giao diện từ TABMIS sang TCS, TTSP và ngược lại, ảnh hưởng đến thời gian COT (cut of time) đóng giao dịch hàng ngày.

- Phân hệ phân bổ dự toán (BA) quá phức tạp trong khâu nhập dự toán cho đơn vị sử dụng ngân sách, nhiều công đoạn thủ công, nhập liệu nhiều tham số, dễ nhầm lẫn, sai sót.

- Phân hệ quản lý chi (AP) chia thành 2 bước. Bước 1 tạo yêu cầu thanh toán (YCTT), ở bước này ghi nợ TK chi, ghi có TK trung gian. Bước 2 áp thanh toán, tạo tài khoản cho YCTT, bước này ghi nợ TK trung gian, ghi có TK liên quan (tiền gửi ngân hàng 1191, tiền mặt 1112...). Việc phân chia thành 2 bước như trên làm phức tạp quy trình hạch toán khoản chi, nhiều bước, phần hành thực hiện trên máy dễ gây sai sót.

- Việc kiểm soát số dư trên TABMIS chưa chính xác nên đã xảy ra tình trạng các tài khoản tiền gửi rút vượt số dư, các tài khoản chi không xuất dự toán khi thanh toán. Vì vậy dễ xảy ra mất tiền trong thanh toán.

- Việc kiểm soát tồn quỹ ngân sách chưa xây dựng một phân hệ theo dõi riêng biệt, trong khi kiểm soát tồn quỹ ngân sách là một nhiệm vụ vô cùng

quan trọng đối với hệ thống KBNN. Nhiều trường hợp xảy ra đã thanh toán cho đơn vị thụ hưởng trong khi tồn quỹ ngân sách không còn.

- Việc kế toán viên có quyền hủy bút toán trên phân hệ AP sau khi Kế toán trưởng đã phê duyệt; kế toán viên dành được dự toán trong khi Kế toán trưởng chưa phê duyệt... dẫn đến sự thiếu an toàn về tiền và tài sản trong quá trình sử dụng quản lý và thực hiện nghiệp vụ tại các đơn vị KBNN.

- Giai đoạn chỉnh lý quyết toán từ 01/01 đến 31/01 năm sau, sau khi chạy các chương trình như Khử số dư âm, Chuyển nguồn dự toán, Tái phân loại tài khoản tạm ứng, Tính toán chênh lệch cân đối thu chi... việc điều chỉnh số liệu là rất phức tạp. Với 1 nghiệp vụ cần điều chỉnh trước hết phải chạy Đảo bút toán khử số dư âm, sau đó thực hiện ít nhất 2 bút toán điều chỉnh (thường là phải có 6 bút toán đồng thời), một bút toán tại kỳ năm trước (kỳ 13-YY) và một bút toán kỳ hiện tại (01-YY), sau đó thực hiện lại chương trình Khử số dư âm.

- Về màn hình tham số chạy các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, nhiều trường thông tin bắt buộc khai báo nhưng không cần thiết như tham số “địa bàn in báo cáo”, “ngày in báo cáo”, “nguồn dữ liệu”, “kiểu in báo cáo”, “chỉ tiêu hiện thị” (Mẫu B2-báo cáo thu), “lấy số lũy kế đầu năm” (Mẫu B3-báo cáo chi)... Một số báo cáo cho phép khai báo tham số quá chi tiết nên khi chạy báo cáo với các tham số này sẽ ảnh hưởng đến hiệu năng hệ thống (như báo cáo B2-02, B3-03...) trong khi có thể lấy số liệu chi tiết từ các báo cáo chuẩn có sẵn trên hệ thống.

## **CHƯƠNG IV. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHỤC VỤ KIỂM SOÁT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC CAO PHONG**

### **4.1. Yêu cầu và các yếu tố ảnh hưởng đến hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong**

#### *a. Các yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán*

- Hoàn thiện công tác kế toán phải thực hiện đồng bộ ở tất cả các khâu, các phân hành, tất cả các yếu tố nhằm đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu đề ra.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm hoạt động của đơn vị, phù hợp với các quy định hiện hành và hướng đến sự hội nhập.

- Hoàn thiện công tác kế toán phải tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ của Nhà nước, các chuẩn mực kế toán.

- Các giải pháp hoàn thiện phải xét đến điều kiện cụ thể của đơn vị về cơ sở vật chất, trang thiết bị, con người; phải đảm bảo tính khả thi và hiệu quả mang lại về mặt quản lý, kinh tế.

#### *b. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoàn thiện công tác kế toán*

- Chất lượng đội ngũ làm công tác kế toán: Đây là điều kiện tiên quyết, quyết định sự hoàn thành nhiệm vụ của công tác kế toán.

- Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Quy mô hoạt động của đơn vị, đặc điểm, đặc thù hoạt động của Ngành.

- Các cơ chế, chính sách, quy định của Nhà nước, định hướng của Ngành.

- Sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp lãnh đạo.

## **4.2. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát chi NSNN tại Kho bạc Cao Phong**

### ***4.2.1. Hoàn thiện lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán***

- Tổ chức rà soát, đánh giá lại bộ máy kế toán cả về số lượng lẫn trình độ nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức. Trên cơ sở đó tiến hành sắp xếp lại bộ máy kế toán theo hướng tinh, gọn, nhẹ.

- Bố trí con người phù hợp với năng lực, trình độ, công việc đang đảm nhận nhằm phát huy cao nhất khả năng làm việc có thể của cán bộ.

- Hàng năm cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ phù hợp với công việc và hướng phát triển của Ngành. Có chính sách động viên, khuyến khích cán bộ tự học tập để nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học... Chú trọng đào tạo đối với số cán bộ mới được tuyển dụng.

- Để chuyên môn hóa trong công tác kế toán và phòng ngừa các tiêu cực có thể xảy ra, bộ máy kế toán tại KBNN Cao Phong cần được tổ chức thành 3 bộ phận chủ yếu như sau: Bộ phận giao dịch, Bộ phận thanh toán, Bộ phận tổng hợp.

### ***4.2.2. Hoàn thiện hệ thống chứng từ***

#### ***a. Lập chứng từ và phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào chứng từ***

- Các chứng từ do Kho bạc lập hoặc các chứng từ do các đơn vị ngoài Kho bạc gửi đến, chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử đều phải thống nhất được lập theo đúng mẫu biểu quy định của chế độ kế toán ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc, phản ánh đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Hướng dẫn các đơn vị sử dụng ngân sách tạo sẵn các mẫu biểu thường dùng áp dụng cho từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cụ thể mẫu C2-02NS



giấy rút dự toán ngân sách cho khoản chi thường xuyên như chi lương, thanh toán điện, nước, văn phòng phẩm và các dịch vụ khác... tạo sẵn từng mẫu chứng từ ứng với mã NDKT phù hợp với nghiệp vụ phát sinh, cố định các chỉ tiêu như: niên độ ngân sách, tài khoản DVSDNS, mã cấp, mã chương, mã ngành... Mẫu C4-02 Ủy nhiệm chi, mẫu C4-09 giấy rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi, và một số các mẫu biểu thường dùng khác. Kết hợp phần mềm hỗ trợ đọc số tiền bằng số, bằng chữ hạn chế các sai sót liên quan đến số tiền.

#### *b. Công tác kiểm tra chứng từ*

Khi nhận chứng từ của các đơn vị, kế toán viên phải kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo chứng từ hợp pháp, hợp lệ, tính đúng đắn và thẩm mỹ. Kiên quyết trả lại các chứng từ lập sai quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế giao dịch một cửa đối với bộ phận kế toán viên giao dịch, lập biên bản báo lỗi, hoàn trả chứng từ, từ chối thanh toán.

#### *c. Phân loại và sắp xếp chứng từ*

- Tại bộ phận kế toán cần tổ chức sắp xếp, phân loại chứng từ một cách khoa học, hợp lý để tiện cho việc kiểm tra, theo dõi, đối chiếu, quản lý tại đơn vị. Chứng từ cần được sắp xếp theo từng loại căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đánh số thứ tự tăng dần.

- Bố trí riêng khu vực dùng chung phục vụ công tác tra cứu, nghiên cứu văn bản chế độ của Ngành, văn bản hướng dẫn chế độ kế toán.

#### *d. Luân chuyển chứng từ*

Căn cứ vào quy trình luân chuyển chứng từ do KBNN quy định và tình hình hoạt động thực tế tại đơn vị cần xây dựng một quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý, khoa học. Quy trình luân chuyển đảm bảo khép kín, giảm thiểu thời gian luân chuyển qua các bộ phận, an toàn về chứng từ. Bên cạnh

đó cần sắp xếp vị trí hợp lý giữa các kế toán viên: bố trí bàn làm việc của cán bộ kế toán làm công tác thu NSNN đặt cạnh quầy thu NSNN; bàn làm việc của Tổ phó tổ kế toán phụ trách kiểm soát công tác thu NSNN đặt cạnh kế toán làm công tác thu NSNN; Bàn làm việc của Kế toán trưởng đặt tại trung tâm bộ phận kế toán, tăng khả năng quản lý, điều hành mọi hoạt động của tổ, thuận tiện cho việc trình ký, ký duyệt chứng từ và giao trả chứng từ cho kế toán viên...

*e. Bảo quản và lưu trữ chứng từ*

Chứng từ phải được bảo quản và lưu trữ theo quy định của Bộ Tài chính. Kho chứa chứng từ phải đảm bảo an toàn, có báo cháy và chống ẩm. Chứng từ khi đưa vào lưu trữ phải lưu trữ ở kho, không để tại nơi làm việc.

**4.2.3. Hoàn thiện hệ thống tài khoản**

- Cần phải xây dựng một chế độ kế toán hợp nhất ở tất cả các đơn vị trong hệ thống tài chính công (Tổng kế toán) để phục vụ cho việc truy cập thông tin về ngân sách nhanh chóng, chính xác mà TABMIS là xương sống.

- Để thuận tiện cho việc chiết xuất các thông tin, báo cáo và đơn giản bớt các quy trình nghiệp vụ nên đưa thêm mã niên độ ngân sách gồm 2 ký tự trong tổ hợp tài khoản kế toán để phản ánh thông tin về niên độ ngân sách. (ví dụ niên độ 2013 là 13, niên độ 2015 là 15)

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Mã	Mã quỹ	Mã tài khoản kế toán	Mã nội dung kinh tế	Mã cấp Ngân sách	Mã đơn vị có quan hệ với Ngân sách	Mã địa bàn hành chính	Mã chương trình	Mã ngành kinh tế	Mã CTM, DA và hạch toán chi tiết	Mã KBN N	Mã Ngân sách nhà nước	Mã niên độ
Số ký tự	2	4	4	1	7	5	3	3	5	4	2	2

**Bảng 4.2: Các đoạn mã của kế toán đồ sửa đổi**

- Bộ Tài chính cần có cải tiến về mục lục NSNN tránh trùng lặp về nội dung, phản ánh phù hợp với nội dung các khoản chi, mỗi mục lục ngân sách là duy nhất, hạn chế NDKT “Khác” tránh gây hiểu lầm hoặc vận dụng tùy tiện của người sử dụng. Để đơn giản việc hạch toán, giảm khối lượng công việc cho kế toán ngân sách, các mục chi cần thiết kể mang tính tổng quát, không quá chi tiết: ví dụ chi đầu tư xây dựng cơ bản chỉ cần theo dõi ở một mục là 9200 bao gồm cả chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, xây dựng, thiết bị, chi phí khác.

- KBNN cần kịp thời bổ sung thêm một số tài khoản và phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ.

#### ***4.2.4. Hoàn thiện hệ thống báo cáo***

- Các báo cáo trên TABMIS rất nhiều, cung cấp thông tin về nhiều đối tượng và phục vụ cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau. Mỗi báo cáo lại chia ra kỳ báo cáo (tháng, năm) và thường rất dài có khi đến hàng trăm trang. Các báo cáo này lại có một số không đúng theo quy định trong chế độ kế toán. Vì vậy, cần phải điều chỉnh lại một số báo cáo trên TABMIS và xác định loại báo cáo nào phải in ra giấy, loại báo cáo nào chỉ lưu file để giảm bớt khối lượng công việc và tiết kiệm giấy.

+ Các báo cáo phải in ra giấy: Bảng cân đối tài khoản, báo cáo thu, báo cáo chi kỳ tháng, năm.

+ Các báo cáo chỉ lưu file: Sổ chi tiết tài khoản mẫu S2-02, B2-02, B3-03... (Khi cần thiết mới in vì thường rất dài)

- Ngoài ra KBNN nên giảm thiểu lượng báo cáo mà KBNN cấp huyện phải lập định kỳ hàng tháng, quý, năm in ra và gửi KBNN tỉnh, vì hệ thống TABMIS cấp tỉnh có thể truy xuất dữ liệu của tất cả các KBNN cấp huyện với người sử dụng được phân quyền kế toán tổng hợp.

- Đề nghị quy định việc lập sổ kế toán, trách nhiệm lập báo cáo cho cơ quan Tài chính các cấp đối với số liệu hạch toán chi NSNN bằng lệnh chi tiền.

- Thống nhất danh mục báo cáo quản trị từ các văn bản có liên quan như chế độ kế toán, các văn bản hướng dẫn quyết toán, văn bản khác để có cơ sở xây dựng báo cáo trên TABMIS kết xuất số liệu tự động từ hệ thống, không phải làm thủ công như hiện nay.

- Nghiên cứu quy định việc kết xuất Bảng cân đối tài khoản theo ngày kết sổ, để đảm bảo trên báo cáo phản ánh đầy đủ số liệu hoạt động trong kỳ và chuyển khai thác báo cáo này sang kho dữ liệu.

#### ***4.2.5. Hoàn thiện công tác tự kiểm tra kế toán***

- Tổ kế toán NSNN phải xây dựng kế hoạch tự kiểm tra cụ thể, rõ ràng, chi tiết và thực hiện nghiêm túc kế hoạch đó.

- Vào đầu tháng sau, tháng đầu quý sau, tháng đầu năm sau, các KBNN huyện phải báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện tự kiểm tra theo kế hoạch đã đề ra và gửi cho Phòng Thanh tra – KBNN tỉnh.

- Đề xuất phương án kiểm tra chéo công tác kế toán giữa các KBNN huyện theo quý. Hạn chế tình trạng tự kiểm tra mang tính hình thức, chiếu lệ.

- Phòng Thanh tra theo dõi quá trình tự kiểm tra của KBNN huyện, cần thiết có ý kiến chấn chỉnh về việc tự kiểm tra. Phòng Thanh tra phải xây dựng kế hoạch thanh tra đối với công tác kế toán.

- Thành phần Đoàn thanh tra phải gồm lãnh đạo đơn vị, cán bộ thanh tra, có thể điều động một số cán bộ kế toán có phẩm chất, năng lực tốt ở các Kho bạc huyện khác cùng tham gia.

#### ***4.2.6. Hoàn thiện phần mềm, ứng dụng TABMIS***

- Kho bạc Nhà nước (Ban triển khai dự án TABMIS) cần nghiên cứu nâng cấp đường truyền đảm bảo việc truy cập vào hệ thống thông suốt 24/24 với tốc độ nhanh, ổn định. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nâng cao năng lực hoạt động của TABMIS.

- Với số người đăng ký sử dụng TABMIS rất lớn và số người thường xuyên truy cập, sử dụng đồng thời trên 4.000 người, ngoài việc đề xuất được đầu tư nâng cấp trang thiết bị, KBNN Cao Phong cần phải có biện pháp tổ chức công việc khoa học nhằm sử dụng tối đa và tối ưu năng lực của hệ thống.

- Ngắt đường truyền hệ thống TABMIS vào các ngày nghỉ, thực hiện chế độ bảo trì, nâng cấp hệ thống. Bộ phận quản trị hệ thống cần thường xuyên rà soát, đôn đốc nhắc nhở các đơn vị còn tồn tại các giao dịch dở dang trên hệ thống, làm tắc nghẽn và ảnh hưởng tới bộ số dùng chung.

- Kho bạc Nhà nước (Ban triển khai TABMIS) cần phối hợp với nhà thầu IBM (Nhà thầu thiết kế chương trình) xem xét, sửa một số lỗi sau:

+ Đảm bảo việc kết nối các chương trình TCS, TTSP luôn được thông suốt. Đưa thêm phân hệ quản lý chi đầu tư vào TABMIS trên cơ sở chương trình Đầu tư Kho bạc (ĐTKB) hiện nay.

+ Đảm bảo việc kiểm soát số dư tài khoản tiền gửi và dự toán. Kế toán viên không thực hiện dành dự toán được khi dự toán không đủ, và khi Kế toán trưởng chưa ký duyệt; Kế toán viên không tạo được YCTT khi số dư tài khoản tiền gửi không đủ; Không cho phép kế toán viên hủy bút toán trên các phân hệ khi Kế toán trưởng đã phê duyệt...

+ Thêm chức năng, hoặc loại báo cáo phục vụ công tác kiểm soát tồn quỹ ngân sách các cấp, đặc biệt là cấp huyện và cấp xã. (Hiện nay vẫn theo đối thủ công).

+ Đối với công tác xử lý cuối năm, chương trình phải tự tạo ra các bút toán hạch toán đồng thời tại kỳ năm trước và kỳ năm sau để giảm bớt khối lượng công việc, tăng độ chính xác.

- Về đề nghị thiết lập báo cáo trên TABMIS:

+ Thiết kế để hệ thống cho phép màn hình công thức báo cáo đã được cài đặt trên hệ thống để có thể kiểm tra tính chính xác của việc thiết lập công thức kết xuất số liệu so với bản gốc và người dùng có thể xem được công thức tính toán số liệu của các chỉ tiêu ngay trên hệ thống.

+ Thống nhất công thức lấy số liệu các chỉ tiêu tương ứng giữa báo cáo thu, chi NSNN và báo cáo nhanh mẫu B8 để đảm bảo số liệu khớp đúng giữa các mẫu báo cáo này.

- Về tham số khai thác báo cáo theo chế độ quy định:

+ Bỏ bớt tham số phải khai báo: “địa bàn in báo cáo”, “ngày in báo cáo” nên bỏ không cần khai báo phần tham số mà để mặc định trên hệ thống, báo cáo sẽ hiển thị theo ngày của hệ thống khi chạy báo cáo và địa bàn theo đơn vị hoạt động. Nghiên cứu bỏ tham số như “nguồn dữ liệu”, “kiểu in báo cáo”, “chỉ tiêu hiển thị”...

+ Hạn chế tham số cho phép lấy số liệu quá chi tiết đối với một số báo cáo như B2-02, B3-03, hệ thống cho phép khai báo tham số như cấp quản lý, Nhóm – mục – tiểu mục ... Nếu người dùng đặt tham số khai thác báo cáo chi tiết thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu năng của hệ thống, thực tế những yêu cầu này là không hiệu quả và không cần thiết.

- Khai thác số liệu nhanh phục vụ yêu cầu đột xuất đột xuất, đặc thù của địa phương: cần nghiên cứu có những hướng dẫn rất cụ thể về việc sử dụng các báo cáo chuẩn, truy vấn số liệu trên TABMIS để lấy số liệu trong các tình huống báo cáo nhanh, đặc thù để có số liệu lập được các mẫu biểu theo yêu cầu.

- Mặt khác để đảm bảo hiệu quả và giảm tải khối lượng việc cho kế toán KBNN cần có các phần mềm hỗ trợ khai thác số liệu, lập mẫu biểu báo cáo song phương với TABMIS để đáp ứng trong tình huống này.

### **4.3. Kết luận**

Qua nghiên cứu đề tài “**Hoàn thiện công tác kế toán phục vụ công tác kiểm soát thu, chi tại các đơn vị Hành chính sự nghiệp của Kho bạc Nhà**

**nước Cao Phong, tỉnh Hòa Bình”** tác giả đi đến một số kết luận như sau:

1. Trong xu thế phát triển và hội nhập quốc tế, với yêu cầu hiện đại hóa Kho bạc theo chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020, việc hoàn thiện công tác kế toán tại Kho bạc Nhà nước là như cầu bức thiết, giúp quản lý và điều hành hiệu quả ngân sách nhà nước, góp phần kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô theo Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ.

Kho bạc Nhà nước Cao Phong – tỉnh Hòa Bình là một trong những Kho bạc triển khai đợt 2 của dự án TABMIS (tháng 8/2012) trong hệ thống KBNN vì vậy đã phần nào hạn chế được những vướng mắc trong ứng dụng chương trình mới. Tuy nhiên do đây là một dự án lớn, thao tác phần hành kế toán phức tạp, nên đòi hỏi phải thực sự thông thạo các thao tác xử lý trên máy, nắm rõ các phân hệ, nguyên tắc hạch toán mới có thể làm đáp ứng được yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, việc áp dụng chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho TABMIS qua quá trình đã bộc lộ nhiều điểm còn hạn chế gây mất nhiều thời gian trong tác nghiệp nghiệp vụ. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán phục vụ kiểm soát thu, chi NSNN trong giai đoạn này càng có ý nghĩa thiết thực.

2. Qua nghiên cứu lý luận về cơ chế kiểm soát chi NSNN qua Kho bạc, chế độ kế toán nhà nước cho TABMIS, về phần mềm TABMIS, và qua khảo sát thực trạng công tác kế toán tại KBNN Cao Phong – tỉnh Hòa Bình, luận văn đã bổ sung một số vấn đề lý luận về công tác kế toán phục vụ kiểm soát thu, chi NSNN trong điều kiện áp dụng TABMIS, đồng thời cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại KBNN Cao Phong – tỉnh Hòa Bình, giúp kiểm soát chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, phát



hiện kịp thời sai sót thông qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra tài chính kế toán, hoàn thiện chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, kinh phí.

3. Với những kết quả nghiên cứu khiêm tốn của luận văn có thể giúp cho Lãnh đạo đơn vị, bộ phận Kế toán KBNN Cao Phong phân nào khắc phục được những tồn tại và hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị mình, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên với năng lực bản thân có hạn, thời gian nghiên cứu không dài nên luận văn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Kính mong nhận được sự góp ý và chỉ dẫn của các Thầy, các nhà chuyên môn để tôi có thể tiếp tục hoàn thiện luận văn này.

#### **4.4. Kiến nghị**

##### ***4.4.1. Kiến nghị với Bộ Tài chính***

- Bộ Tài chính và Chính phủ nên xem xét, sửa đổi, bổ sung luật NSNN, luật kế toán và các quy định hướng dẫn luật cho phù hợp với điều kiện thực tiễn:

Chính phủ và Bộ tài chính cần xây dựng và ban hành hệ thống chuẩn mực kế toán (CMKT) công là những quy định và hướng dẫn chung nhất đầy đủ về những nguyên tắc, nội dung và phương pháp và thủ tục kế toán cơ bản làm cơ sở để ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính nhằm đạt được sự đánh giá trung thực, hợp lý khách quan về thực trạng tài chính và kết quả hoạt động của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán công. Chuẩn mực kế toán công được xây dựng và áp dụng ở các quốc gia có nền kinh tế hội nhập là một nhu cầu tất yếu khách quan. Việc tuân thủ CMKT công quốc tế sẽ tạo ra ngôn ngữ kế toán chung, thể hiện các quy định mang tính phổ biến và trình bày báo cáo tài chính và có khả năng so sánh cao.

- Khi nghiên cứu, ban hành và công bố các quy định cần xác định rõ

đối tượng cần áp dụng của CMKT công đối với kế toán NSNN hoặc kiểm toán nhà nước. Trong đó cần có quan điểm đúng đắn về thông tin mà kế toán phải xử lý, từ khâu lập, chấp hành và quyết toán ngân sách theo từng niên độ đối với kế toán ngân sách hay từ khâu tiếp nhận, sử dụng và quyết toán kinh phí các hoạt động sự nghiệp của các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Từ đó có cách nhìn tổng quát để nghiên cứu các nội dung cơ bản để sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý điều hành ngân sách cũng như chế tài đối các đơn vị sử dụng ngân sách.

CMKT công là căn cứ để xác định được các nội dung cơ bản cho tổng kiểm toán nhà nước vì vậy hệ thống CMKT công và mô hình tổng kiểm toán nhà nước có sự đồng hành. Bởi chuẩn mực kế toán công xác định các thông tin kế toán đầu vào, đầu ra và đưa ra các nguyên tắc để tổ chức xử lý hợp lý thông tin cho mô hình tổng kiểm toán nhà nước.

Chuẩn mực kế toán công góp phần hệ thống KBNN hoàn thiện quy trình nghiệp vụ dựa trên TABMIS, là cơ sở để hoàn thiện quy định về chế độ kế toán và thông tin báo cáo.

- Cần có sự phối hợp triển khai đồng bộ giữa Bộ tài chính, tổng kiểm toán nhà nước, thanh tra chính phủ và các bộ ngành có liên quan trong việc xây dựng và ban hành khung pháp lý, chuẩn mực kế toán công, chế độ kế toán.

#### **4.4.2. Kiến nghị với Kho bạc Nhà nước**

- Tăng cường quản lý trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến vào hoạt động KBNN nhất là trong điều kiện phát triển quy mô và nghiệp vụ hiện nay việc triển khai hệ thống TABMIS cho tất cả các tỉnh thành phố vì vậy cần trang bị, đầu đủ thiết bị công nghệ phù hợp, tiên tiến từ máy trạm đến máy chủ thì việc truy cập thanh toán trên hệ truyền

thông mới đảm bảo nhanh gọn và thông suốt.

Nguồn nhân lực của hệ thống KBNN hiện nay còn nhiều mặt hạn chế, thiếu hụt về kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân sách, thiếu tự tin trong giao tiếp dẫn đến thiếu khả năng trình bày, thuyết phục, thiếu khả năng sáng tạo thụ động trong suy nghĩ. Bởi vậy nâng cao quản lý chất lượng nguồn nhân lực và nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố có tính quyết định đối với sự phát triển của bất cứ tổ chức kinh tế - xã hội nào nhất là đối với hệ thống KBNN điều này lại càng có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh chúng ta đang triển khai hệ thống TABMIS cải cách tài chính công và hội nhập khu vực kinh tế quốc tế. KBNN nên có cơ chế thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao vào làm việc tại hệ thống KBNN và nên có cơ chế khuyến khích công chức có học hàm, học vị cao vào tham gia nghiên cứu khoa học.

- Phối kết hợp với nhà thầu IBM sớm nâng cấp, điều chỉnh hệ thống TABMIS đáp ứng tối đa nhu cầu khai thác của người sử dụng, đặc biệt là phân hệ Sổ Cái (TABMIS GL) phục vụ công tác báo cáo số liệu nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện, tránh thực hiện thủ công như hiện nay dễ dẫn đến sai sót trong công tác thu thập số liệu, sai lệch số liệu, ảnh hưởng đến quyết toán thu chi ngân sách.

#### ***4.4.3. Kiến nghị với Kho bạc nhà nước tỉnh Hòa Bình***

- Hoàn thiện tốt một số quy trình như kiểm tra, kiểm soát phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của bộ phận kiểm tra kiểm soát tăng cường vai trò và yếu tố ảnh hưởng tích cực của bộ phận này trong hoạt động KBNN. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho bộ phận kiểm tra kiểm soát, tăng cường giám sát, kiểm tra xử lý các vi phạm quy trình kiểm tra, kiểm soát.

- Nâng cao quản lý chất lượng đội ngũ CBCC KBNN Hòa Bình: hiện nay, đội ngũ cán bộ công chức Kho bạc còn thiếu hụt về kiến thức chuyên sâu

về tài Chính - Ngân sách - đầu tư XDCB. Đối với đội ngũ lãnh đạo một vài năm tới thiếu hụt nhiều do đặc thù của Hòa Bình (2013 - 2015) đội ngũ lãnh đạo chủ chốt từ Ngân hàng chuyển sang nghỉ hưu rất nhiều. Bởi vậy việc thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực chất lượng cao cho KBNN HB thực sự khó khăn.

- Ghi nhận sáng kiến của cán bộ làm công tác kế toán, nghiên cứu, hoàn thiện đưa vào áp dụng toàn hệ thống các ứng dụng hỗ trợ TABMIS như: hỗ trợ việc hạch toán không xảy ra nhầm lẫn kết hợp chéo các đoạn mã; hỗ trợ công tác đối chiếu cuối ngày trong điều kiện môi trường TABMIS chưa hoàn thiện; hỗ trợ công tác nhập dự toán, theo dõi tồn quỹ ngân sách... Giúp ngày càng hoàn thiện hơn công tác kế toán trong kiểm soát thu, chi NSNN tại từng KBNN trên địa bàn nói riêng và tại KBNN Hòa Bình nói chung.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2008). Bối cảnh trong nước, quốc tế và việc nghiên cứu xây dựng chiến lược 2011 - 2020, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2003). Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Nxb Tài chính, Hà Nội.
3. Bộ Tài chính (2011). Thông tư 164/2011/TT-BTC về quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN.
4. Bộ Tài chính (2012). Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/12/2012 của Bộ Tài Chính về quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;
5. Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/12/2012 của Bộ Tài chính;
6. Bộ Tài chính (2013). Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc;
7. Bộ Tài chính (1998). Tài chính với việc phát huy nội lực nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, Nxb Tài chính, Hà Nội.
8. Bộ Tài chính (2003). Thông tư số 60/2003/BTC ban hành ngày 23/6/2003 Quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường thị trấn, Nxb Tài chính, Hà Nội.
9. Bộ Tài chính (2003). Thông tư số 79/2003/BTC ban hành ngày 13/8/2003 Hướng dẫn quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi NSNN qua Kho bạc Nhà nước, Nxb Tài chính, Hà Nội.
10. Bộ Tài chính (2003). Thông tư số 114/2003/BTC ban hành ngày 28/11/2003 Hướng dẫn công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán quyết toán nguồn vốn NSNN, Nxb Tài chính, Hà Nội.
11. Bộ Tài chính (2004). Thông tư số 111/2004/BTC ban hành ngày 19/11/2004 Hướng dẫn thực hiện dự toán NSNN năm 2005, Nxb Tài chính, Hà Nội.
12. Bộ Tài chính (2004). Thông tư số 55/2004/BTC ban hành ngày 10/6/2004 Hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2005, Nxb Tài chính, Hà Nội.

13. Bộ Tài chính (2004). Hệ thống văn bản pháp luật về kiểm toán Việt Nam, Nxb Tài chính, Hà Nội.
14. Bộ Tài chính (2006). Chế độ kế toán ngân sách, tài chính xã và những quy định về quản lý tài chính, hành chính, tư pháp cán bộ xã, phường, thị trấn, Nxb Tài chính, Hà Nội.
15. Bộ Tài chính (2006). Hệ thống Mục lục ngân sách Nhà nước, Nxb Tài chính, Hà Nội.
16. Bộ Tài chính (2006). Chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước, Nxb Tài chính, Hà Nội.
17. Bộ Tài chính (2006). Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã, Nxb Tài chính, Hà Nội.
18. Công thông tin điện tử Bộ kế hoạch và đầu tư.
19. Công thông tin điện tử Bộ tài chính.
20. Chính phủ (2007). Quyết định số 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2020.
21. Chính phủ (2009). Quyết định số 108/2009/QĐ-TTg ngày 26/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài Chính.
22. Chính phủ (2005). Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17-10-2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.
23. Gene Siciliano (2008). *Tài chính dành cho nhà quản lý*, Nxb Lao động - Xã hội. Hà Nội. Hương Giang (dịch).
24. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2013). *Bảng cân đối tài khoản chi tiết 8211 năm 2013*
25. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2013). *Bảng cân đối tài khoản năm 2013*.
26. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2013). *Báo cáo chi NSNN năm 2013*.
27. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2014). *Bảng cân đối tài khoản chi tiết 8211 năm 2014*
28. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2014). *Bảng cân đối tài khoản năm 2014*.
29. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2014). *Báo cáo chi NSNN năm 2014*.
30. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2015). *Bảng cân đối tài khoản chi tiết 8211 năm 2015*
31. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2015). *Bảng cân đối tài khoản năm 2015*.
32. Kho bạc Nhà nước Cao Phong (2015). *Báo cáo chi NSNN năm 2015*.
33. Kho bạc Nhà nước Cao Phong. *Báo cáo thu năm 2013,2014,2015*

34. Kho bạc Nhà Nước Cao Phong (2015). Bảng báo cáo tình hình chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN Cao Phong.
35. Kho bạc Nhà nước(2010). Quyết định số 163/2010/QĐ-KBNN ngày 17/3/2010 của Kho bạc Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN tỉnh.
36. Luật kế toán (2006). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Lâm Chí Dũng (2008). *Nghiệp vụ Kho Bạc nhà nước*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
38. Nguyễn Ngọc Hùng (2006). *Quản lý ngân sách nhà nước*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Tuyên (2007), *Giáo trình Luật ngân sách nhà nước*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
40. UBND tỉnh Hòa Bình (2015). Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cao Phong đến năm 2020.
41. Trần thị Lan Hương (2015). Chuyên đề: Kinh nghiệm quản lý nhà nước của một số nước, <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/kinh-nghiem-quan-ly-ngan-sach-cua-mot-so-nuoc-734>
42. Quốc hội (2002). Luật ngân sách Nhà nước sửa đổi năm 2002, Luật NSNN số 83/2015/QH13 ban hành ngày 25/5/2015. Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật.